Biểu số: 16B/GNN-2025
Biểu khổ: 29,7x21cm

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÔNG DÂN TẠM HOÃN GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2027
(Kèm theo Thông báo số ____/TB-BCH ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ CHQS tỉnh)

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
1	Huỳnh Gia Phúc	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Huỳnh Anh Duy	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Nguyễn Thị Ngọc Hiền	
	13/4/2008			- Kinh, Phật			
	089208005292						
2	Chau Trí Nhân	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Kô Ma, 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Neang Sóc Phinl, 1977	
	09/01/2008			Khmer, phật			
	089208022069						
3	Phone Som Nane	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sóc Phone,1985	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Si Vonh,1987	
	15/1/2008			Khmer, Phật			
	089208023995						
4	Chau Phi Runh	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Dương,1984, Giáo viên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sóc Miêne ,1987, Giáo viên	
	15/01/2008			- Khmer, Phật			
	089208009867						
5	Ngô Trí Thiện	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Ngô Văn Tài	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Phạm Kim Ngọc	
	02/02/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
6	Chau Si Nê	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Nên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Néang Sốc Rai	
	02/9/2008			- Khmer, Phật			
	89208017918						
7	Bùi Văn Xuân Khoa	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Bùi Văn Tạo	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Gọn	
	12/02/2008			Kinh, phật			
8	Sun Tự Hào	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Sun Tự Cường,1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Kim Lợi,1984	
	12/2/2008			Kinh, Phật			
	089208013893						
9	Hồ Trọng Phúc	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Hồ Minh Cảnh	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Dương Thị Hồng Loan	
	15/02/2008			Kinh, phật			
10	Huỳnh Thanh Hải Tú	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Thanh Hải	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Mai Thị Thanh	
	21/02/2008			Kinh, phật			
11	Châu Gia Khang	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Trí Hà	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Kim Bích	
	25/02/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
12	Nguyễn Thanh Hào	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thành Long,1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Trà Thị Nở,1981	
	27/2/2008			Kinh, Phật			
	089208024028						
13	Lương Duy Khánh	Sinh viên	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lương Phú Thịnh,1985	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Gái,1985	
	02/03/2008			Kinh, Phật			
	089208016007						
14	Trần Trọng Phúc	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Văn Được	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Ngọc Giàu	
	07/03/2008			Kinh, phật			
15	Nguyễn Thanh Quang	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thành Nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Võ Thị Bích Hiềm	
	08/03/2008			Kinh, phật			
16	Chau Y Lin	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Phạm Như Phát, 1989	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sô Da, 1988	
	18/03/2008			Khmer, Phật			
	089208022136						
17	Võ Hoàng Việt Triết	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Võ Thanh Tuấn	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trầm Mỹ Loan	
	19/03/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
18	Đinh Minh Phú	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Đinh Mạnh Hùng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Tạ Thị Anh Minh	
	29/03/2008			Kinh, phật			
19	Nguyễn Phạm Phan Trí Hiệp	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Liêm	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Phan Thị Diễm Thúy	
	31/03/2008			Kinh, phật			
20	Chau Kim Long	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Kim Lai, 1987	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Brây Con, 1987	
	19/04/2008			- Khmer, Phật			
	89208019618						
21	Võ Quốc Châu	Học sinh	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Võ Công Minh	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Phù Thúy Hằng	
	01/05/2008			Kinh, phật			
22	Nguyễn Trương An Thịnh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Sanh	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trương Thị Bích Tuyền	
	03/05/2008			Kinh, phật			
23	Nguyễn Minh Tú	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Tuấn	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Phạm Thị Minh	
	04/05/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
24	Chanh Sóc Bô Ra	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Sóc Bô,1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sóc Rên,1984	
	04/5/2008			Khmer, Phật			
	089208001127						
25	Vũ An Ninh	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Vũ Văn Tuyền,1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Phạm Thị Thanh Loan,1979	
	08/5/2008			Kinh, Phật			
	089208021352						
26	Phạm Cung Thành Trung	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Phạm Ngọc Tường	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Cung Pho Ly	
	09/05/2008			Kinh, phật			
27	Liêu Chí Vỹ	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Liêu Duy Phúc	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Ngọc Phượng	
	12/05/2008			Kinh, phật			
28	Trần Trung Nhân	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Trần Quốc Lực	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tuyết Loan	
	17/5/2008			- Kinh, Phật			
	89208011276						
29	Đỗ Tiến Khoa	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Đỗ Tiến Dũng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Néang Son	
	19/5/2008			- Kinh, Phật			
	89208009499						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
30	Nguyễn Minh Phúc	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Hậu	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Kim Lời	
	24/05/2008			Kinh, phật			
31	Trịnh Lâm Bảo Huy	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trịnh Thanh Hải	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Lâm Thị Ngọc	
	29/05/2008			Kinh, phật			
32	Chau Đô Rinh	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Si Na (chết)	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sê Đa, 1983, nội trợ	
	30/5/2008			- Khmer, Phật			
	89208003972						
33	Rếch Tha Ri	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Túc Dân Rếch,1983	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Chanh Tha,1986	
	06/10/2008			- Khmer, Phật			
	89208018265						
34	La Phúc Sinh	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	La Kỳ Nhân,1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Thị Phương Dung,1979	
	19/6/2008			Kinh, Phật			
	089208017334						
35	Huỳnh Hữu Phước	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Văn Điệp	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lê Thị Lài	
	24/06/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
36	Chau Bunh Quang Thia	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	10/12	Chau Ni Thanh	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sóc Kinh	
	7/01/2008			- Khmer, Phật			
	89208008885						
37	Nguyễn Minh Triết	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Minh,1965	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Võ Thị Sáu,1970	
	03/7/2008			Kinh, Phật			
	089208011548						
38	Phi Võ Khang Duy	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Phi Na,	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Võ Thị Kim Thoa	
	10/7/2008			Khmer, Phật			
	089208019383						
39	Nguyễn Duy	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thành Sơn,1976	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Võ Thị Kim Bình,1979	
	20/7/2008			Kinh, Phật			
	089208006788						
40	Lâm Chấn Huy	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lâm Phước Phụng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lường Thị Hương	
	22/07/2008			Kinh, phật			
41	Nguyễn Vinh Hiền	Sinh viên	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Nguyễn Hữu Thuần,1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Lẻ,1984	
	27/7/2008			Kinh			
	089208002738			Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
42	Trần Quốc Hậu	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Văn Hải	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Lâm Thị Tuyết	
	06/08/2008			Kinh, phật			
43	Châu Phúc Thịnh	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Châu Minh Trí	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Từ Kim Khoanh	
	08/08/2008			Kinh, phật			
44	Nguyễn Trần Đăng Khoa	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Đang,1983	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Trần Thị Mao,1986	
	12/8/2008			Khmer, Phật			
	089208001291						
45	Thái Nguyễn Đăng Khoa	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Thái Văn Tùng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Phương Loan	
	14/08/2008			Kinh, phật			
46	Nguyễn Thanh Phong	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Anh Long	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Bùi Ngọc Hiền	
	15/08/2008			Kinh, phật			
47	Lê Root Tha	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lê Văn Hoa	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Néang Phonl La	
	24/08/2008			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
48	Lê Duy Khang	Học sinh	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Lê Duy Kiệt	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Võ Thị Thanh	
	26/08/2008			Kinh, phật			
49	Chau Kim Hiền	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Kim Hai, 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sóc Khônl, 1980	
	26/8/2008			Khmer, Phật			
	089208007066						
50	Nguyễn Thanh Phú	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thanh Sơn	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Trần Thị Mỹ Châu	
	27/08/2008			Kinh, phật			
51	Trần Quốc Hưng	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Quốc Hùng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Cao Thị Thu Hồng	
	28/08/2008			Kinh, phật			
52	Chau Sáth Trí	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Ranh,1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Mách,1987	
	11/09/2008			Khmer, Phật			
	089208022945						
53	Nguyễn Ngọc Tân	Học sinh	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Cường,1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Lê Cẩm Tú,1984	
	15/9/2008			Kinh, Phật			
	089208001613						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
54	Trần Văn Luôn	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Văn Bay	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Võ Thị Thảo	
	26/09/2008			Kinh, phật			
55	Phạm Du Long	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Phạm Phú Lộc	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Trần Hồng Phượng	
	10/10/2008			Kinh, phật			
56	Chau Ra Vích	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Ra,1991	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Ka Men,1992	
	10/10/2008			Khmer, Phật			
	089208016788						
57	Mã Trần Phú Thịnh	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Mã Thủ Độ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Thị Kim Giác	
	20/10/2008			Kinh, phật			
58	Nguyễn Ngọc Trí	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Ngọc Tấn	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Đặng Thị Lan	
	20/10/2008			Kinh, phật			
59	Quách Thiên Phúc	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Quách Ngọc Sơn	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Nguyễn Ngọc Nhi	
	23/10/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân** □	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
60	Võ Hoàng Huy	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Võ Văn Thắng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kiều	
	23/10/2008			- Kinh, Phật			
	89208018367						
61	Chau Sóc Sene	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Síp	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Kim Phượng	
	23/10/2008			- Khmer, Phật			
	89208016889						
62	Chau Kim Cung	Học sinh	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	11/12	Chau Kim Sang	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Néang Kim Dinl	
	27/10/2008			- Khmer, Phật			
	89208021713						
63	Chau Ri Đa	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sóc Sai, 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Tâm Đa, 1975	
	28/10/2008			Khmer, Phật			
	089208007292						
64	Nguyễn Trần Trọng Khang	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Phinl	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Trần Thị Thu Ai	
	20/11/2008			Kinh, phật			
65	Bùi Thiện Minh Quân	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Bùi Thiện Nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Huỳnh Mỹ Ngoan	
	25/11/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
66	Chau Sóc Khưm	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Sóc Khương, 1984	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Mai, 1986	
	28/11/2008			- Khmer, Phật			
	89208002625						
67	Nguyễn Minh Hiếu	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Hoàng Dũng,1963	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sóc Rinh,1971	
	02/12/2008			Khmer, Phật			
	089208013569						
68	Chau Chanh Tha	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Thonl	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Néang Sóc Phi	
	12/2/2008			- Khmer, Phật			
	89208008521						
69	Chau Kim Sơn	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau So,1986	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Châu Kim Phượng,1989	
	08/12/2008			Khơmer, Phật			
	089208023999						
70	Giang Đức Minh	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Giang Hữu Lộc,1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Hà Thị Lành,1981	
	08/12/2008			Kinh, Phật			
	089208018125						
71	Nguyễn Đăng Khôi	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Tuyền Giang	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Ngọc Bích	
	14/12/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
72	Chau Sĩ Ban	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sĩ Bênh	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Mai Thị Ghẹ	
	15/12/2008			Khmer, phật			
73	Lý Tấn Huy	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lý Tấn Quang,1988	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Kim Sin,1991	
	18/12/2008			Khmer, Phật			
	089208004721						
74	Chau Hoàng Tuấn	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Tưng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Chau Thị Bô Nha	
	28/12/2008			- Khmer, Phật			
	89208010041						
75	Đoàn Hoài Lộc	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Đoàn Văn Tài	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Kim Yến	
	30/12/2008			Kinh, phật			
76	Nguyễn Hoàng Bảo Lộc	Sinh viên	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Anh Tuấn,1974, L. thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Phạm Thị Trang, 1980, N. trợ	
	07/01/2007			Kinh, Phật			
	089207000211						
77	Chau Phol	Sinh viên	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Chau Si Na, 1979, L ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Neáng Danh, 1976, L ruộng	
	08/01/2007			Khmer			
	089207002120			Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
78	Chau Minh Tâm	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Chau Sâm Bách 1980, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sô Vương 1983, buôn bán	
	08/01/2007			-Khmer, phật			
	089207019260						
79	Rếch Tha Rinh	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Tuốch Dân Rếch, 1983, giáo viên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Neáng Chanh Tha, 1986, Nội trợ	
	30/01/2007			-Khmer, phật			
	089207000500						
80	Chau Sek La	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Ra, 1978, L.ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Chanh, 1979, L. ruộng	
	03/02/2007			Khmer, Phật			
	089207011653						
81	Nguyễn Trần Xuân Phú	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Đi, 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Trần Ngọc Loan, 1975	
	10/02/2007			Kinh, phật			
	089207000823						
82	Nguyễn Hoàng Thuận	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Nguyễn Hoàng Nam, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thía, 1983, buôn bán	
	11/02/2007			-Kinh, phật			
	089207002907						
83	Chau Minh Tuấn	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Chau Phi Rôm, 1984	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Hà Thị Tố Châu,1981, giáo viên	
	12/02/2007			-Khmer, phật			
	0892070098563						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
84	Chau Kun Sa Rắt	Sinh viên	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Chau Sóc Kha,1976, L ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Neáng Na Vy,1982, L ruộng	
	27/2/2007			Khmer			
	089207006787			Đạo phật			
85	Hồ Hoài Phú	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hồ Văn Thiện, 1969, LT	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trương Thị Giàu, 1978, LT	
	28/02/2007			Kinh, phật			
	089207000864						
86	Nguyễn Đăng Bảo Khang	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Nguyễn Văn Ly, 1972, L thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Đặng Thị Thu Trang, 1972, N trợ	
	06/3/2007			Kinh, phật			
	089207016350						
87	Mai Bá Lạc	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Mai Ngọc Thành	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn				
	10/03/2007			Kinh, phật			
	089207021955						
88	Kiêm Đa Nết	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sóc Kiêm, 1978, L.ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sa Ron, 1980, N.trợ	
	12/3/2007			Khmer, Phật			
	089207002849						
89	Chau Sóc Phi	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Phiênl, 1979, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Phane, 1980, LR	
	03/4/2007			Khmer, phật			
	089207007787						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
90	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	Sinh viên	ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Tất Thắng, 1980, Công an	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn			Lê Thị Thúy Loan, 1984, Nội trợ	
	08/04/2007			Kinh, phật			
	089207011882						
91	Lê Quang Minh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Văn Nghiệp, 1979, CNV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thắm, 1980, CNV	
	14/04/2007			Kinh, phật			
	089207005447						
92	Nguyễn Trần Hoàng Minh	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Nguyễn Hoàng Việt, 1982, Thợ điện	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Trần Thị Kim Hậu, 1986, nội trợ	
	26/4/2007			- 'Kinh, phật			
	089207019508						
93	Chau Si Than	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sóc Múch, 1978, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Neáng Lá, 1977, LR	
	27/04/2007			Khmer, phật			
	089207007388						
94	Châu Đức Phát	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Châu Kim Vút Thi Đa, 1983, Điện lực	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trương Thị Mỹ Triều, 1980, NT	
	01/05/2007			Kinh, phật			
	089207013255						
95	Chau Thành Đạt	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Khôm, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Néang Siêm, làm ruộng	
	01/5/2007			-Khmer, phật			
	089207008229						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân** □	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
96	Chau Sóth	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Nhen, 1981, công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Khôm, 1974,làm ruộng	
	02/05/2007			Khmer, phật			
	089207014333						
97	Nguyễn Minh Huy	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Minh Bằng, 1982, UB huyện	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Lài, 1983, NT	
	10/05/2007			Kinh, phật			
	089207005319						
98	Phạm Quang Triết	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Phạm Quang Minh 1975, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Lê Thị Nhân 1973, nội trợ	
	18/05/2007			-Kinh, phật			
99	Chau Chanh Hảo	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Hải,1973, L. Thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sang, 1974, N. trợ	
	21/5/2007			Khmer			
	089207013571			Đạo phật			
100	Trầm Hiển Long	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Trầm Chí Linh 1974, CB-CNV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Phạm Ngọc Tươi 1974, CB-CNV	
	21/5/2007			-Khmer, phật			
	089207012212						
101	Lê Huỳnh Quốc Bảo	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lê Văn Dũng, 1981, GV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Huỳnh Ngọc Phượng, 1981, GV	
	24/5/2007			Kinh, Phật			
	089207020501						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
102	Nguyễn Quốc Danh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Phi, 1980, Nhà trọ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Chang, 1981, NT	
	27/05/2007			Kinh, phật			
	89207002138						
103	Chau Sum Rach	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sône, 1975, L.Ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Si Đênh, 1978, NT	
	07/6/2007			Khmer, Phật			
	089207003432						
104	Nguyễn Minh Thiện	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Bảy 1980, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Phạm Thị Thắm 1975, LR	
	07/6/2007			-Kinh, phật			
	089207008164						
105	Chau Bảy	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Chau Ươn, 1974, L. thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Dêm, 1973, N. trợ	
	16/6/2007			Khmer, Phật			
	089207012794						
106	Thương Kim Quang	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Thương, 1985, L. thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Kim Sang, 1985, N. trợ	
	17/6/2007			Khmer			
				Đạo phật			
107	Chau Sóc Vine	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Chau Sâm Bô, 1977,làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Thanh, 1797, làm ruộng	
	26/6/2007			Khmer, phật			
	08920700529						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
108	Khưu Minh Trí	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Khưu Minh Thật, 1982, CN	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Bảo Yến, 1985, CN	
	28/06/2007			Kinh, phật			
	089207005635						
109	Lâm Gia Bảo	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lâm Thanh Hải, 1966, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lâm Thị Vàng, 1975, BB	
	04/07/2007			Kinh, phật			
	089207023243						
110	Huỳnh Tấn Đạt	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Văn Hùng, 1968, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Bé Hai, 1968, BB	
	10/07/2007			Kinh, phật			
	089207011539						
111	Nguyễn Quốc Đạt	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Nguyễn Đẹt Anh 1978, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Nguyên Thị Lắm 1980, LR	
	22/8/2007			-Kinh, phật			
	089207001180						
112	Chau Sốc Som Nang	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Chau Som, 1976, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Neáng Nhây, 1977, làm ruộng	
	17/9/2007			-Khmer, phật			
	089181011543						
113	Phan Văn Toàn	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phan Văn Minh, 1974, LT	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lê Thị Kim Em, 1980, LT	
	18/09/2007			Kinh, phật			
	089207004464						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
114	Chau Bô Nith	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Nang, 1983, L. ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Ran, 1982, L. thuê	
	18/9/2007			Khmer, Phật			
115	Võ Tiến Đạt	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Võ Văn Tính, 1977, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Bùi Thị Tuyết Vân, 1980, BB	
	23/09/2007			Kinh, phật			
	089207015173						
116	Lê Thành Đạt	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lê Văn Thành, 1986, CN	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thanh Thúy, 1991, nội trợ	
	27/09/2007			Kinh, phật			
	089207022666						
117	Nguyễn Minh Tuấn	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Minh Nhật, 1975, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Lê Thị Mộng Tiên, 1973, BB	
	29/9/2007			Khmer, phật			
	089207016448						
118	Chau Hon Hiền	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Hon Pếch, 1983, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sa Tha, 1984, LR	
	04/10/2007			Khmer, Phật			
119	Huỳnh Nhật Tiến	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Huỳnh Công Trí, 1973, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Mã Ngọc Phượng, 1971, BB	
	14/10/2007			Kinh, phật			
	089207021030						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
120	Nguyễn Thế Thành	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Nguyễn Công Minh, 1987, LT	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn T Kim Huệ, 1987,NT	
	29/10/2007			Kinh, Phật			
	089207004019						
121	Lữ Phú	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Lữ Gia Bảo,1981, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Huỳnh Thị Điểm, 1984 nội trợ	
	10/11/2007			-Kinh, phật			
	089207021914						
122	Chuyên	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Phạm Văn Cư, 1966,	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thu Sương, 1975, GV	
	11/11/2007			Kinh, phật			
	089207007632						
123	Nguyễn Duy Phương	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Nguyễn Văn Cò, 1982, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Thái Thị Thu Yến, 1986, nội trợ	
	14/11/2007			Kinh, phật			
	089207018786						
124	Nguyễn Hà Đăng Khoa	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Minh Châu, 1971, thợ hớt tóc	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Hà Thị Lệ Hằng, 1971, nội trợ	
	16/11/2007			Kinh, phật			
	089207008520						
125	Chau Quy Chách	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	- Cha:Chau Sươne, 1987, tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			- Phụ thuộc		Chau Thị Trang, 1988, nội trợ	
	30/11/2007			-Khmer, phật			
	089207019422						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
126	Nguyễn Minh Khang	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Nguyễn Văn Chính, 1984, LT	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thùy Trang, 1987, NT	
	13/12/2007			Kinh, phật			
	089207015422						
127	Đoàn Danh Phân	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Đoàn Hồng Ngọc, 1975, L rẫy	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phụ thuộc			
	19/12/2007			Kinh, phật			
	089207022919						
128	Trần Trường Phát	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Văn Pha, 1979, XN Điện nước	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Hồng Thắm, 1982, TTYT	
	20/12/2007			Kinh, phật			
	089207022600						
129	Lê Việt Tiến	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Minh Nhã, 1981, GV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Ngô Ngọc Diễm, 1979, CNV	
	21/12/2007			Kinh, phật			
	089207013474						
130	Chau Phi Rôm	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Son, 1984, L.ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
			ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sa Ray, 1986, N. trợ	
	30/12/2007			Khmer, Phật			
	089207007055						
131	Chau Đon	Sinh viên	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Khmer	12/12	Chau Chanh Đa 1976	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Neáng Chanh Thu 1980	
	01/01/2006			Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
132	Chau Sóc Kha	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Khon 1976, NV Ban CTCC Tri T	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Nhơn 1973, nội trợ	
	19/01/2006			Khmer, phật			
	089206011064						
133	Sô Quy Sa	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Kim Sô, 1977, dịch vụ thuê oto	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		'Néang Nhan, 1978, cán bộ công chức	
	26/01/2006			Khmer, phật			
	089206011893						
134	Bùi Huỳnh Gia Huy	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Bùi Hữu Tuấn 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Minh Châu 1980	
	29/01/2006			Kinh, phật			
	089206004265						
135	Chau Phát	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sa Na 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Donn 1978	
	31/01/2006			Khmer, Phật			
136	Phạm Văn Thắng	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Văn Thẽ 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trương Thị Mỹ Hiền 1977	
	02/02/2006			Kinh, phật			
	087206000635						
137	Mã Trần Phú Khang	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Mã Thủ Độ 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Thị Kim Giác 1975	
	25/02/2006			Kinh, phật			
	089206003584						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
138	Chau Phi Runh	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Ra 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Trung nông		Neáng Sa Vy 1982	
	27/02/2006			Khmer, Phật			
139	Lê Hiếu Nghĩa	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Quốc Thống 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Cúc Hương 1975	
	02/03/2006			Kinh, phật			
	87206009592						
140	Nguyễn Thanh Vinh	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Sơn 1984	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Trần Thị Mỹ Châu 1987	
	12/03/2006			Kinh, phật			
	089206007727						
141	Hồ Minh Thiện	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hồ Phước Hòa 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Tạ Thị Tuyết Vân 1971	
	13/03/2006			Kinh, phật			
	089206004161						
142	Hà Thanh Hoàng	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hà Văn Trình Em 1978, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thu Hằng 1980, thợ may	
	15/3/2006			Kinh,phật			
	089206013570						
143	Ngô Hoàng Anh Kiệt	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Ngô Văn Dũng 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Thị Thiền 1975	
	17/3/2006			Kinh, phật			
	089206016568						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
144	Lê Quang Thịnh	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Quang Cường 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Mỹ Hồng 1981	
	19/3/2006			Kinh, phật			
	089206023417						
145	Trần Hoàng Phúc	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần văn Bay 1984	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Võ Thị Thảo 1987	
	08/04/2006			Kinh, phật			
	089206001955						
146	Chau Pút Thai	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Thônh 1971, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		' Néang Sốc Phon 1972, làm ruộng	
	12/4/2006			Khmer, phật			
147	Huỳnh Vĩnh Cơ	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Cẩm Long 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Ngọc Lan 1981	
	13/4/2006			Kinh, phật			
	087181015510						
148	Nguyễn Thành Nghiệp	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Được Anh 1988	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Kim Thúy 1984	
	16/4/2006			Kinh, phật			
	089206023865						
149	Nguyễn Huỳnh Gia Phú	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Phi Hải 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Huỳnh Mỹ Trang 1981	
	20/4/2006			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
150	Chau Som Rach	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Khon 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Phiêne 1980	
	21/04/2006			Khmer, Phật			
151	Nguyễn Hồng Anh	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Hoàng Anh 1984	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Ngọc Bích 1985	
	22/4/2006			Kinh, phật			
	089206002136						
152	Võ Nhật Thiên	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Võ Văn Vô 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Phạm Xuân Mai 1981	
	02/5/2006			Kinh, phật			
	089206019901						
153	Chay Ly Som Máth	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Kim Ly 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Mây 1984	
	05/05/2006			Phật			
154	Bùi Đức Thành	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Bùi Văn Nga 1969	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Phạn Thị Vân 1981	
	9/5/2006			Kinh, phật			
	089206022008						
155	Huỳnh Thanh Duy	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Duy Thanh 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Ngô Trúc Mai (1977)	
	24/5/2006			Kinh, phật			
	089206010194						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
156	Chau Sóc Chanh	sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Thone 1970, phụ hồ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		' Néang Sóc Ban 1973, làm ruộng	
	05/6/2006			Khmer, phật			
	089206012160						
157	Trương Chí Hùng	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trương Văn Thương (chết)	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lăm Thị Đặng 1975	
	13/6/2006			Kinh, phật			
	089206011767						
158	Chau Ra Sine	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sưm Ươn 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Dên 1980	
	16/06/2006			Khmer, Phật			
159	Lưu Trần Nhựt Anh	sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lưu Văn Tính 1982, NV điện nước	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		' Trần Thị Thanh Nhàn 1980, buôn bán	
	16/6/2006			Kinh, phật			
	089206025193						
160	Sơn Nhật Hà	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Sơn Huya 1968	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Rôm Đuôl 1970	
	18/06/2006			Khmer, Phật			
161	Chau Lý Thanh Giàu	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Loan Trang 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Phi Rôm 1980	
	20/06/2006			Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
162	Châu Đăng Khoa	sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Châu Kim Liên 1976, CT MTTQ xã	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		'Trần Thị Yên Phương 1979, CB Ngân	
	30/6/2006			Khmer, phật			
	098206014543						
163	Trịnh Trần Gia Bảo	Sinh viên	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trịnh Tiến Việt 1970	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Tiết Kiệm 1974	
	08/07/2006			Kinh, Phật			
164	Trương Chí Hùng	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung Nông	12/12	Trương Thanh sơn 1976	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Lê Thị Phương 1984	
	16/7/2006			Kinh			
	89206008870			Phật			
165	Chau Sốc Som Nang	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Si Kan 1977,làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		' Néang Chanh Thu 1978, làm ruộng	
	17/7/2006			Khmer, phật			
	089206003000						
166	Huỳnh Nam Khang	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Trung Nam 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Dương Kim Thoa 1975	
	21/7/2006			Kinh, phật			
	089206009706						
167	Nguyễn Quốc Khang	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Quốc Thắng 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Phan Thị Ngọc Hà 1986	
	22/7/2006			Kinh, phật			
	89206002126						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
168	Chau Binh Đa Ra	sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Binh, 1975, buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		'Pheach Sô Ma Ly, 1975, buôn bán	
	22/7/2006			Khmer, phật			
	089206006360						
169	Huỳnh Lập Phương	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Văn Hải	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Mai 1977	
	25/7/2006			Kinh, phật			
	089206007562						
170	Mạnh Văn Vẹn	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Mạnh Văn Toàn 1984	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Phượng 1986	
	25/07/2006			Kinh, phật			
	089206006034						
171	Dương Việt Quang	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Dương Đình Phùng 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Lệ 1978	
	30/7/2006			Kinh, phật			
	089206016646						
172	Phan Sóc Phát	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Phan,1982, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phan,1981, giáo viên	
	30/7/2006			Khmer, phật			
173	Châu Hải Thanh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Châu Trí Hải 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Lê Thị Nở 1981	
	08/8/2006			Kinh, phật			
	089206022858						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
174	Phạm Như Ý	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Khắc Liêm 1986	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Hồng Xuân 1986	
	16/08/2006			Kinh, phật			
	089206018363						
175	Nguyễn Trần Trọng Khiêm	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Phil	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Trần Thị Thu Ai 1968	
	20/8/2006			Kinh, phật			
	092206002254						
176	Đặng Phạm Quốc Bảo	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Hoàng Tuấn 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Phạm Thị Quý 1979	
	30/8/2006			Kinh, phật			
	089106001456						
177	Chau Thanh Hòa	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Thành Hảo 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Neáng Sóc Khen 1982	
	03/09/2006			Phật			
178	Chau Sây La	sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Muônl 1975, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		' Néang Kim Sang 1975, làm ruộng	
	06/9/2006			Khmer, phật			
	089206049125						
179	Giang Nhật Anh	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Giang Thanh vũ, 1975,làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Phol Ly,1973, buôn bán	
	07/9/2006			Khmer, phật			
	089206022369						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
180	Tăng Vĩnh Khang	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Tăng Nhật Tùng 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Giang Thị Thúy Hằng 1978	
	16/9/2006			Kinh, phật			
	089206017185						
181	Phách Rích Thi	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Phách 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Néang Sâm Bô 1979	
	23/9/2006			Khmer, phật			
	089206014642						
182	Sang Minh Trí	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Minh Sang, 1979, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phôn, 1983, bác sĩ	
	23/9/2006			Khmer, phật			
	089206008898						
183	Huỳnh Tấn Phúc	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Văn Dũng 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Hồ Thị Lành 1976	
	7/10/2006			Kinh			
				Đạo phật			
184	Vi Gia Hưng	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Vi Văn Minh 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Trần Ngọc Thảo 1978	
	11/10/2006			Kinh, phật			
	089206019571						
185	Hưm Sóc Khon	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Hưm 1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Kha 1975	
	11/10/2006			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
186	Nguyễn Nhanh Quốc Khang	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Ngọc Dũng 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nhang Hồng Hạnh 1972	
	13/10/2006			Kinh, phật			
	089206011833						
187	Chau Thane	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Văn Thành,1978, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Cà Pâu, 1972, làm thuê	
	15/10/2006			Khmer, phật			
	089206003004						
188	Nguyễn Lê Phúc Hòa	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Trung Hùng 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lê Thị Thùy Hương 1974	
	24/10/2006			Kinh, phật			
	089206018861						
189	Chau Xiêng Phi Na	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Xiêng Sô Phi 1973	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Đặng Thị Màu 1975	
	25/10/2006			Khmer, Phật			
190	Chau Sô Phiếp	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Chhong, 1892, công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sốc phone, 1891, nội trợ	
	07/11/2006			Khmer, phật			
	089206002995						
191	Lê Hiến Chương	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Hoàng Mai 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Phượng 1979	
	20/11/2006			Kinh, phật			
	089206011372						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
192	Lâm Hữu Nghĩa	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lâm Văn Nhơn 1970, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Ngô Thị Thanh Thoản 1975, LR	
	23/11/2006			Kinh,phật			
	089206040455						
193	Huỳnh Khánh Hưng	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Bá Phong 1965	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Néang Pho Ly 1974	
	26/11/2006			Kinh, phật			
	089206023938						
194	Chau Chách	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Nho 1984, công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Thonh 1985, công nhân	
	27/11/2006			Khmer, phật			
	089206011058						
195	Vĩnh Quý Cường	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Vĩnh Bảo Hùng 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Võ Thị Ngọc Chi 1978	
	02/12/2006			Kinh, phật			
	089206021208						
196	Đặng Quách Hào	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Văn Hiền 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Ngôi Thị Kim Mai 1984	
	13/12/2006			Kinh, phật			
	089206000559						
197	Kim Đa Huy	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Kim Em 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lê Thị Diễm 1979	
	19/12/2006			Kinh, phật			
	0892060692						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
198	Chau Sóc Khiêu	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Khone 1975, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sane 1976, làm ruộng	
	27/12/2006			Khmer, phật			
	089206002993						
199	Chau Riêm	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Rớt 1976	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Chem Mith 1975	
	11/15/2006			Khmer			
				Đạo phật			
200	Chau Chách	Sinh viên	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Phonh 1969	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa Ny 1974	
	01/01/2005			Khmer			
				Đạo phật			
201	Nguyễn Minh Thuận	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Lượm, 1973,Thợ hồ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần minh Hiền, 1970, Giáo viên	
	02/01/2005			Kinh, phật			
	089205004249						
202	Phạm Trần Hữu Khánh	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm văn Đệ 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Trần Thị Khuyên 1983	
	02/01/2005			Kinh			
				Đạo phật			
203	Tum Tha Ra	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Đô Ra Ri Tha 1980, Nv điện lực	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa Vath 1983, làm ruộng	
	02/1/2005			Khmer, phật			
	089205006361						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
204	Huỳnh Văn Tiến	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Văn Tấn, 1977, Chăn nuôi	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lưu Thị Diễm Thúy, 1976, Buôn bán	
	06/01/2005			Kinh, phật			
	089205023123						
205	Thị Minh Châu	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	- Cha:Chau Vúth Thi 1977, công an	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Néang Lônl 1976, công nhân	
	07/01/2005			Khmer, phật			
206	Hình Quốc Anh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hình Minh Tâm, 1982, Tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thu, 1981, Giáo viên	
	29/01/2005			Kinh, phật			
	089205000364						
207	Nguyễn Minh Thái	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Bảy 1980, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Phạm Thị Thắm 1975, thợ may	
	30/01/2005			Kinh, phật			
	089205008747						
208	Phạm Minh Tài	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Minh Đức, 1984, Công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Hồng Hà, 1985, Công nhân	
	01/02/2005			Kinh, phật			
	089205008387						
209	Chau Đa Ra	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Khanh, 1979, Bảo vệ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Thị Sô Đa, 1982, CN	
	03/02/2005			Khmer, phật			
	089205011535						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
210	Trần Thanh Hiền	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Kim Bền 1977, công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc			
	04/02/2005			Kinh, phật			
	089205019819						
211	Hà Tấn Tươi	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hà Tấn Vui 1983, công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Gỗ 1979, nội trợ	
	08/02/2005			Kinh, phật			
	093305009149						
212	Đặng Quách Khánh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Văn Hiền, 1981, Tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Ngô Thị Kim Mai, Nội trợ	
	12/02/2005			Kinh, phật			
	089205017263						
213	Huỳnh Nhật Thanh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Thanh Tuấn, 1974, Kế toán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Lê Thị Kiều Hương Nga, 1976, Giáo vi	
	24/02/2005			Kinh, phật			
	089205014689						
214	Huỳnh Thành Trí	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Quốc Thành, 1977, Buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Kim Cương, 1979, Buôn bá	
	07/03/2005			Kinh, phật			
	089205010704						
215	Kung Som Nang	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Som Ương 1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sa Mếch 1974	
	23/03/2005			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
216	Ngô Bảo Tín	Làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Ngô Bảo Sơn, 1976, Thợ hồ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Nghiệp, 1981, Buôn bán	
	26/03/2005			Kinh, phật			
	089205007209						
217	Chau Ni Vi Réak	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	12/12	Chau Vanh Ni 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Sóc Pheap 1980	
	03/04/2005			Phật			
218	Bùi Trọng Phúc	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Bùi Văn Sáng 1978, làm rẫy	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Bùi Tuyết Minh 1981, buôn bán	
	06/04/2005			Kinh, phật			
	091205000745						
219	Chau Pếth	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Kim Hạnh 1979, chết	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sốt Rết 1979, công nhân	
	06/4/2005			Khmer, phật			
220	Chau Si Sa Na	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Sa Ron 1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Sóc Quanh 1975	
	07/04/2005			Phật			
221	Chau Đa Ra	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Chung Nô 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sa Mai 1981	
	13/04/2005			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
222	Sa Ny Sesch	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Phol La 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Đô Ra 1982	
	15/04/2005			Khmer			
				Đạo phật			
223	Chau Rít Tha	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Sóm Khom 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Chau Thu Hà 1981	
	19/04/2005			Phật			
224	Nguyễn Đình Vĩ	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Huỳnh My, 1981, Buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Mau Yến Nhi, 1980, Buôn bán	
	22/04/2005			Kinh, phật			
	089205023523						
225	Chau Bô Vanh Na	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Sóc Bô 1976	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Sóc Rên 1977	
	29/04/2005			Phật			
226	Mai Phước Duy	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Mai Phước Phúc, 1980, Buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thúy Hằng, 1980, Buôn bá	
	24/05/2005			Kinh, phật			
	089205007846						
227	Chau Nan	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Chanh 1972, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Mơn Dan 1978, làm ruộng	
	11/6/2005			Khmer, phật			
	089205022997						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
228	Trần Trung Hiếu	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Thái Hùng, 1980, Công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Phạm Thị Kim Quyên, 1986, Công nhâ	
	14/06/2005			Kinh, phật			
	089205002560						
229	Chau Sầm Nang	sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sonl 1971, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nhữ 1972, làm thuê	
	16/6/2005			Khmer, phật			
	089205004241						
230	Chau Sóc Phát	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Vy 1979, công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phol 1980, công nhân	
	03/7/2005			Khmer, phật			
	089205015702						
231	Tô Hữu Bằng	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Tô Hữu Lợi, 1978, Sửa máy	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Ngọc Đấu, 1978, Nội trợ	
	20/07/2005			Kinh, phật			
	089205005630						
232	Phan Tùng Kha	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phan Thanh Tùng, 1983, Buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Đồng Thị Thùy Vân, 1986, Buôn bán	
	27/07/2005			Kinh, phật			
233	Phạm Thành Hưng	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Quốc Hùng 1962, thợ hồ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Nguyễn Thị Kim Anh 1972, thợ hồ	
	31/7/2005			Kinh, Thiên Chúa			
	089205022409						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân** □	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
234	Chau Sóc Ry	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Rết 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sóc Phinh 1979	
	05/08/2005			Khmer			
				Đạo phật			
235	Chau Tiểu Long	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Ly 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Danh Thị Ngọc Hoa 1982	
	21/08/2005			Khmer, Phật			
236	Lê Quốc Khánh	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Tiến Dũng 1965, chạy xe honda đò	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Võ Ngọc Hạnh 1971, nội trợ	
	30/08/2005			Kinh, phật			
	089205001205						
237	Nguyễn Vũ Linh	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Thính,	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Phan Thị Diễm	
	02/09/2005			Kinh, phật			
	089205001119						
238	Trần Gia Khánh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Văn Lực, 1977, Công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Kha Ngọc Thủy, 1979, Buôn bán	
	11/09/2005			Kinh, phật			
	089205011448						
239	Huỳnh Phan Minh Quí	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Huỳnh Văn Quyền 1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Phan Khánh Ngọc 1975	
	19/09/2005			Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
240	Nguyễn Thanh Hoàng	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Trí, 1979, Giáo viên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Liên, 1980, Giáo viên	
	22/09/2005			Kinh, phật			
	0892505021484						
241	Trần Gia Đạt	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Trần Văn Út 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Hưởng 1981	
	03/10/2005			Phật			
242	Nguyễn Lưu Quang Huy	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Quang Sĩ, 1974, Bộ đội	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Lưu Thị Mỹ Linh, 1976, Cán bộ	
	13/10/2005			Kinh, phật			
	089205000990						
243	Chau Đê Vít	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Khone 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Nhây 1978	
	22/10/2005			Khmer, Phật			
244	Danh Ngọc Liêm	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Danh Ngọc Liên 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Hồ Thị Thu Nguyệt 1983	
	26/10/2005			Khmer, Phật			
245	Châu Ngọc Phát Đạt	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Châu Ngọc Hưng 1979, sĩ quan quân đ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh Tha 1983, trưởng ấp	
	26/10/2005			Khmer, phật			
	089205001834						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
246	Hồ Phú Quí	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hồ Quý Nghĩa, 1984, Tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Lê Thống Nữ, 1986, Nội trợ	
	03/11/2005			Kinh, phật			
	352789165						
247	Hồ Phú Quí	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hồ Quý Nghĩa, 1984, Tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Lê Thống Nữ, 1986, Nội trợ	
	03/11/2005			Kinh, phật			
	352789165						
248	Nguyễn Phạm Phan Hào	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Liêm, 1967, Buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Phan Thị Diễm Thúy, 1969, Buôn bán	
	04/11/2005			Kinh, phật			
	092205007500						
249	Chau Nguyễn Đăng Khoa	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Phắt Kđây	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Phạm Kim Ngân, 1986, MC	
	14/11/2005			Kinh, phật			
	089205021955						
250	Chau Hắth	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Hai 1979, thợ hồ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Néang Sóc Phiên 1983, công nhân	
	14/11/2005			Khmer, phật			
	089205006771						
251	Túch Som Nang	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Túch 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Khath 1983	
	17/11/2005			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
252	Chau Lông Bun Na	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Kim Som Ry Thi 1989, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phách 1984, làm ruộng	
	17/11/2005			Khmer, phật			
	089205023136						
253	Chau Oanh Nắt	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sa Oanh Na 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Rương 1982	
	19/11/2005			Khmer, Phật			
254	Lê Đắc Tài	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Đắc Trí 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Thu Trang 1977	
	04/12/2005			Kinh, Phật			
255	Nguyễn Khôi Nguyên	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thành Tiến, 1980, CNVC	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Lê Tố Tâm, 1979, GV	
	08/12/2005			Kinh, phật			
	089205000979						
256	Huỳnh Văn An	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Văn Hương 1980, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Võ Thị Bích 1984, buôn bán	
	13/12/2005			Kinh, phật			
257	Nguyễn Đỗ Đại Hải	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Tùng, 1968, Công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lê Thu Vân, 1972, Nội trợ	
	22/12/2005			Kinh, phật			
	089205011342						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
258	Nguyễn Thanh Thiên Bảo	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Sự, 1985, Buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Bé Tú, 1985, Buôn bán	
	22/12/2005			Kinh, phật			
	352760467						
259	Chau Quốc Thắng	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Kim Sang 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Kim Hoai 1980	
	01/01/2004			Khmer, Phật			
260	Chau Rích Tha	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Dênh 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Sóc Kha 1980	
	01/01/2004			Phật			
261	Bùi Châu Gia Phúc	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Bùi Ngọc Hải 1969	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Khưu Sóc Phia 1970	
	01/01/2004			Phật			
262	Trần Thái Sơn	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Trần Văn Ngạn 1969	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Hến 1970	
	19/01/2004			Phật			
263	Nguyễn Duy Hoàng	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Duy Hóa 1975, buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trương Thị Thúy 1979, buôn bán	
	20/01/2004			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
264	Hồ Thanh Tùng	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Hồ Văn Dũng 1966	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Thị Kim Thoa 1967	
	27/01/2004			Phật			
265	Siêm Phi Va	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Ngọc Kim 1987	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Chung 1988	
	30/01/2004			Phật			
266	Nguyễn Phi Long	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Phi Hùng 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Oanh 1986	
	01/02/2004			Kinh, không			
267	Chau Vanh Thon	Sinh viên	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Thương 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Chanh Thy 1983	
	04/02/2004			Khmer, Phật			
268	Nguyễn Tất Phú	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Tất Thịnh, 1970, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Dương Thị Ngọc Điệp, 1970, buôn bán	
	07/02/2004			Kinh, không			
269	Chau Riêng	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Ra 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Chanh 1979	
	18/02/2004			Khmer			
				Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
270	Nguyễn Đức Phát	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Tài, 1965, CNV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Liên, 1965, Nội trợ	
	3/3/2004			Kinh, phật			
	352749810						
271	Chau Si Thăng	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Múch, 1978, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Néang Lá, 1977, làm ruộng	
	8/3/2004			Khmer, phật			
	352760330						
272	Phi Rét	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sene 1985,công nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Benh 1984, công nhân	
	08/3/2004			Khmer, phật			
273	Nguyễn Văn Thành	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Nguyên Hoàng Duy 1973	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Trần Thị Ánh 1972	
	11/03/2004			Phật			
274	Trần Tấn An	Sinh viên	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Trần Văn Đáo 1973	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Giang 1976	
	25/03/2004			Phật			
275	Hồ Hoài Phong	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hồ Văn Thiện, 1969, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trương Thị Giàu, 1978, Nội trợ	
	16/4/2004			Kinh, phật			
	352694400						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
276	Nguyễn Hoàng Thiên	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Dội 1980, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Xuân Thu 1978, cán bộ y t	
	16/4/2004			Kinh, phật			
277	Huỳnh Châu Phúc Khang	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Huỳnh Phú Lộc 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Châu Kim Mỹ 1972	
	20/04/2004			Phật			
278	Nguyễn Thanh Hiền	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Hậu 1986, chết	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Nguyễn Thị Thanh Thúy 1987, làm t	
	22/04/2004			Kinh, phật			
279	Phan Vĩnh Khánh	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phan Xuân Trang, 1970, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Thị Băng Châu, 1972, BB	
	25/4/2004			Kinh, phật			
	352664433						
280	Đa Víth	Sinh viên	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Chanh Đa 1974	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Sanh 1978	
	03/05/2004			Khmer, Phật			
281	Hoàng Nguyễn Tuấn Anh	Sinh viên	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hoàng Văn Đồng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Vân 1978	
	14/05/2004			Kinh			
				Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
282	Hà Chí Bảo	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Hà Đông Thương, 1974, T xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thúy, 1978, BB	
	8/7/2004			Kinh, phật			
	352746682						
283	Trần Đức Toàn	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Minh Thắng, 1975, Tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Kim Biên, 1977, GV	
	29/7/2004			Kinh, phật			
	352694382						
284	Nguyễn Tuấn Kiệt	Sinh viên	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Tuấn Anh 1982	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Kim Ba 1984	
	30/07/2004			Kinh, Phật			
285	Phạm Quốc Hưng	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Văn Diễn, 1965, C nhân	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Ngọc Thanh, 1972, C nhân	
	14/8/2004			Kinh, phật			
	352717298						
286	Châu Anh Khoa	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Kim Ngọc Thương, 1973,BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Néang Rây, 1975, Giáo viên	
	18/8/2004			Khmer, phật			
	352700088						
287	Trần Quốc Bảo	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Văn Ưng 1969, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Lê Thị Tiết 1972, nội trợ	
	23/08/2004			Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
288	Đặng Thái Tuấn	Sinh viên	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Thái Hiện 1974, LR	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Kiều Tiên 1973, làm ruộng	
	14/9/2004			Kinh, phật			
289	Trần Thụy Cảnh Văn	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Thanh Nhựt 1966, giáo viên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Thúy 1975, giáo viên	
	16/9/2004			Kinh, phật			
290	Phạm Thành Nhân	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Ngọc Thuận, 1980, Tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Võ Thị Toàn, 1980, BB	
	2/10/2004			Kinh, phật			
	352760552						
291	Huỳnh Minh Thuận	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Văn Thái, 1974, chết	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Lý Trường Tố Giang, 1980, BB	
	15/10/2004			Kinh, phật			
	Chưa làm						
292	Lê Huỳnh Anh Khoa	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Thanh Toàn, 1977, BB	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Tuyết Mai, 1984, BB	
	20/10/2004			Kinh, phật			
	352694444						
293	Trương Hoàng Thái Thuận	Sinh viên	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Trương Thành Lũy, 1968, phụ giúp	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Thạch Bích Hợp,1976, BB	
	2/11/2004			Kinh, phật			
	352641490						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
294	Nguyễn Phúc Cường	Sinh viên	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Nguyễn Thanh Vũ 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Khánh Băng 1981	
	05/11/2004			Phật			
295	Ngô Quang Khánh	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Ngô Minh Tâm 1969, buôn bán	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thúy Hằng 1975, buôn bán	
	16/11/2004			Kinh, phật			
296	Nguyễn Phúc Trí	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Bình, 1980, Làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Dư Hồng Phượng, 1981, CNV	
	13/12/2004			Kinh, phật			
	352694339						
297	Nguyễn Thái Khang	Sinh viên	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyên Công Khanh 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Lương Thị Kim Chi 1980	
	13/12/2004			Kinh, Phật			
298	Lê Nguyễn Hải An	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Hữu Cần, 1973, CNV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Xuân, 1978, Giáo viên	
	2/16/2004			Kinh, phật			
	352760390						
299	Chau Sóc Khôm	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Khương, 1981, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Néang Sóc Thiêm, 1979, làm thuê	
	12/19/2004			Khmer, phật			
	352694442						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
300	Võ Trung Kiên	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Cửu Độ 1933, Chết	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Lý 1933	
	2/1/2003			Kinh, phật			
	352711112						
301	Lý Minh Sang	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lý Văn Chương 1966, cán bộ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Huỳnh Tuyết Nga 1968, y sĩ	
	04/01/2003			Kinh, phật			
302	Nguyễn Minh Trí	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Hoàng Nam, 1966	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Đỗ Kim Phượng, 1971	
	7/1/2003			Kinh, phật			
	352586585						
303	Chau Kim Sêng	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sơn 1975, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phép 1979, làm ruộng	
	12/01/2003			Khmer, phật			
304	Chau Hon Hiệp	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Lang 1949	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Hiệp 1947	
	06/02/2003			Khmer			
				Đạo phật			
305	Đặng Tiểu Long	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Văm Nhiều 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Thị Kim Loan 1981	
	14/2/2003			Kinh, phật			
	352641503						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
306	Chau Sơn	Sinh viên	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Ranh 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Kim Cho 1982	
	26/02/2003			Khmer, Phật			
307	Lê Trung Kiên	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Văn Thịnh, 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Dương Thị Mảnh,1981	
	27/2/2003			Kinh, phật			
	352694338						
308	Phi Võ Đăng Khang	Sinh viên	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Chau Phi Na 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Võ Thị Kim Thoa 1980	
	07/03/2003			Phật			
309	Chau Sóc Sol	Sinh viên	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sol 1967	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc			
	08/03/2003			Khmer			
				Đạo phật			
310	Nguyễn An Khang	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Thịnh 1966	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trương Thị Xuân Thủy 1973	
	20/3/2003			Kinh, phật			
	352641554						
311	Trần Đức Phát	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Văn Lắm, 1972	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Lan, 1969	
	25/4/2003			Kinh, phật			
	352641458						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
312	Nguyễn Minh Trí	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thành Chinh 1972, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn T Ngọc Trinh 1966, BB	
	01/5/2003			Kinh, phật			
313	Nguyễn Hoàng Anh	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Lâm Sơn, 1969	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Châu Kim Chi, 1969	
	10/05/2003			Kinh, phật			
	352694415						
314	Trần Thanh Tâm	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Thị Tú 1975	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn				
	13/5/2003			Kinh, phật			
	352664333						
315	Trần Phúc Nguyên	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Minh Phúc 1978 (chết)	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trương Thị Bích Phượng 1975	
	4/6/2003			Kinh, phật			
	352689682						
316	Lại Phú Hòa	Sinh viên	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Lại Phước Ngọc 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Lê Thị Thúy Hằng 1982	
	08/06/2003			Phật			
317	Tô Hoàng Tất	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Tô Văn Nhơn 1978	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Lệ 1974	
	17/7/2003			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
318	Tô Quốc Lâm	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Tô Bảo Sơn 1978, tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trương Ánh Hoa 1977, buôn bán	
	01/8/2003			Kinh, phật			
319	Chau Sô Na	Sinh viên	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Ny 1970, cán bộ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Thiên 1976, làm ruộng	
	02/8/2003			Khmer, phật			
320	Chau Phan Mai	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Réth 1983, làm thuê	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Chau Kim Pha 1983, làm thuê	
	31/08/2003			Khmer, phật			
321	Lê Hiếu Nhân	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Quốc Thống	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Cúc Hương 1975	
	1/9/2003			Kinh, phật			
	352664263						
322	Lê Đăng Sơn	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Hoàng Vũ 1979	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Hồ Kim Diễm 1981	
	5/9/2003			Kinh, phật			
	352694362						
323	Nguyễn Thành Tâm	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Để 1980	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Phạm Thị Ngọc Vân 1985	
	6/9/2003			Kinh, phật			
	352694363						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
324	Sang Sóc Phol	Sinh viên	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Đươn 1970	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Sang 1976	
	16/09/2003			Khmer			
				Đạo phật			
325	Chau Phong	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Phol 1983	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Thi Đa 1977	
	24/10/2003			Khmer, Phật			
326	Châu Huy Kiệt	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Châu Thanh Hiền 1977	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Thị Thu Huệ 1978	
	9/11/2003			Kinh, phật			
	352694518						
327	Phạm Minh Ngọc	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phạm Minh Châu 1976, cán bộ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Nguyễn Thị Nga 1981, nội trợ	
	15/11/2003			Kinh, phật			
328	Đặng Hữu Khang	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Văn Vực 1973	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Diễm 1973	
	18/11/2003			Kinh, phật			
	352641501						
329	Nguyễn Hiếu Bảo	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Cúc Loan 1980 (chết)	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn				
	19/11/2003			Kinh, phật			
	352664264						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
330	Huỳnh Thành Công	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Thanh Dũng 1974, cán bộ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Tạ Thị Đinh 1979, giáo viên	
	24/11/2003			Kinh, phật			
331	Tô Nhật Thanh	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Tô Thế Phương 1966, cán bộ	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Văn Thị Kiều Hương 1970, buôn bán	
	24/12/2003			Kinh, phật			
332	Nguyễn Thanh Tiến	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Thanh Tân, 1979, tài xế	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Mỹ Tiên, 1984, NT	
	01/1/2002			Kinh, phật			
	352641115						
333	Chau In Ngoan	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Eo 1967	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Trần Thị Hương Giang 1969	
	01/01/2002			Khmer			
				Đạo phật			
334	Nguyễn Trần Trung Hiếu	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Hữu Hạnh, 1970, giáo viên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Tầm, 1969, GV	
	15/3/2002			Kinh, phật			
	352586512						
335	Chau Sóc Thi	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Thone 1976, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa Rinh 1978,làm ruộng	
	15/03/2002			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
336	Chau Chanh Bunh Thone	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Chanh 1974, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh Tha 1975, làm ruộng	
	23/03/2002			Khmer, phật			
337	Ngô Nhật Tiến	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Ngô Tuấn Hải, 1969, sửa máy	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Châu Thị Tuyết Nga, 1975, NT	
	2/4/2002			Kinh, phật			
	352637462						
338	Khách Đô Quang	Sinh viên	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Khom 1965	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Khone 1962	
	19/04/2002			Kinh, Phật			
339	Chau Sóc Thia	Sinh viên	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Ương, 1968, Làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Neáng Sóc Phim, 1971, BB	
	27/6/2002			Kinh, phật			
340	Nguyễn Chau Bunh Son	Sinh viên	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Thương 1973	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Hương 1975	
	08/07/2002			Khmer, Phật			
341	Cao Trần Khánh Duy	Sinh viên	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Cao Tấn Hảo,1962, CNV	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Thanh Hồng, 1965, N trợ	
	15/7/2002			Kinh, phật			
	352586512						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
342	Lê Hoàng Vũ	Sinh viên	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lê Thanh Kiệt 1981	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Nươn 1985	
	30/07/2002			Kinh, Phật			
343	Chau Sa Rinh	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sa Na 1969, làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Túch Nưm 1977, buôn bán	
	01/8/2002			Khmer, phật			
344	Huỳnh Hữu Tài	Sinh viên	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Huỳnh Hữu Tươi, 1967, LT	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Hằng, 1973, NT	
	7/9/2002			Kinh, phật			
345	Chanh Sóc Som Nang	Sinh viên	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Song,1970 làm ruộng	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Néang Sóc Kha, 1971 làm ruộng	
	31/01/2001			Khmer, phật			
346	Trần Thúy Vĩnh Thụy	Sinh viên	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Thanh Nhựt 1966, giáo viên	Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Thúy 1975, giáo viên	
	24/11/2000			Kinh, phật			
347	Chau Kem Ry	Phụ thuộc	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12		Tu sĩ
	Không			Trung nông		Neáng Sa Rôm, 1980	
	03/03/2008			Khmer, Phật			
	089208006864						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
348	Chau Sanh	Phụ thuộc	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	09/12	Chau Lanh	Tu sĩ
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sáth	
	29/10/2008			- Khmer, Phật			
	89208005642						
349	Chau Vanh The	Phụ thuộc	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	9/12	Thên Tích	Tu sĩ
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sóc Bann	
	01/04/2008			- Khmer, Phật			
	89208007959						
350	Chau Chanh Si Na	Phụ thuộc	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	9/12	Chau Sóc Sáth	Tu sĩ
				- Phụ thuộc		Néang Sa Vương	
	29/01/2008			- Khmer, Phật			
	89208014574						
351	Chau Si Lên	Phụ thuộc	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	7/12	Chau Phương,1979	Tu sĩ
	Không			- Phụ thuộc		Néang Chanh Đa,1977	
	26/06/2008			- Kinh, Phật			
	89208020233						
352	Chau Sóc Pâu	Phụ thuộc	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Sóc Phone	Tu sĩ
	Không			- Phụ thuộc		Néang Nương	
	25/01/2008			- Khmer, Phật			
	89208013045						
353	Chau Ríth Thươn		Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Rí Thi	Tu sĩ
	Không			Trung nông		Neáng Đạo	
	19/02/2008			Khmer, Phật			
	089208023325						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
354	Chau Con Pês		ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Chau Ty, 1963	Tu sĩ
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sóc Phi, 1965	
	20/01/2008			- Khmer, Phật			
	89208015934						
355	Chau Phol La		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	TN12	Chau Phol Ly, công nhân	Tu sĩ
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sóc One, công nhân	
	17/11/2007			-Khmer, phật			
	089207022886						
356	Chau Phia		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Sóc Pheáp, 1982, L.thuê	Tu sĩ
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sa Vươn (chết)	
	26/10/2007			Khmer, Phật			
	089207022834						
357	Chau Si Da		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Chau Sóc Chanh, 1985, L ruộng	Tu sĩ
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Mon, 1984, L ruộng	
	25/12/2007			Khmer			
	089207022943			Đạo phật			
358	Chau Chau Thương		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Chanh Tha 1977	Tu sĩ
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sa Rane 1978	
	13/09/2006			Khmer			
				Đạo phật			
359	Chau Nô		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Vanh Ny 1976	Tu sĩ
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Quy 1976	
	10/02/2006			Khmer			
				Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
360	Chau Đa Ra		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Kon 1978	Tu sĩ
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Ke 1977	
	06/12/2005			Khmer			
				Đạo phật			
361	Chau Sa Vương		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Chau Pích 1978	Tu sĩ
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sa Manh 1979	
	14/12/2005			Khmer, Phật			
362	Chau Na Vanh		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Chau Ny 1974	Tu sĩ
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Phon 1973	
	08/03/2005			Khmer, Phật			
363	Chau Huê Ha		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Khmer	9/12	Chau Đon 1971	Tu sĩ
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Phật		Néang Sóc Chanh 1972	
	29/09/2005						
364	Chau Sáth		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Nâu Sóc Sane 1979, làm thuê	Tu sĩ
	Không			Phụ thuộc		- Néang Phim 1983, làm thuê	
	11/07/2005			Khmer, phật			
	089205019719						
365	Chau Sóc Phếth		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Nhanh 1981	Tu sĩ
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Chanh Đa 1982	
	19/01/2005			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
366	Chau Som Nang		Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Chau Mốt 1974	Tu sĩ
	Không			Phụ thuộc		Néang Dươn 1975	
	18/03/2005			Khmer			
				Đạo phật			
367	Nguyễn Thanh Trường		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	9/12	Nguyễn Văn Hùng 1966 (chết)	Tu sĩ
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phật		Thị Sa Mươn 1967	
	12/09/2003						
368	Chau Pi		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	8/12	Chau Sáth 1969	Tu sĩ
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phật		Néang Luôn 1970 (chết)	
	24/10/2003						
369	Chau Sóc Hươne		ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Hom 1975, làm ruộng	Tu sĩ
	Không			Phụ thuộc		Néang Sốc 1973, làm ruộng	
	30/03/2003			Khmer, phật			
370	Bùi Thanh Nhàn		ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Bùi Thế Nhân 1983, chạy xe honda đò	Tu sĩ
	Không			Phụ thuộc		Dương Ngọc Tâm 1985, buôn bán	
	28/05/2003			Kinh, phật			
371	Lê Ly Ta		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Lê Văn Hoa,1975, Chết	Tu sĩ
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Neáng Phol La, 1975, B Bán	
	15/10/2002						
	352641133						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
372	Chau Sôm Rol		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Don 1975	Tu sĩ
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Vo 1978	
	05/05/2002			Khmer, Phật			
373	Trịnh Tấn Lộc	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Trịnh Tấn Phát	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Đặng Thị Thu Hằng	
	20/06/2008			Kinh, phật			
374	Huỳnh Hữu Trí	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Huỳnh Hữu Thiện	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trương Thị Tuyết Phương	
	06/12/2008			Kinh, phật			
375	Nguyễn Hoàng Pháp	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Văn Mỹ Em	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Trần Thị Cẩm Tú	
	09/10/2008			Kinh, phật			
376	Nguyễn Bảo Trí	Làm thuê	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Nguyễn Hoàng Giang	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Nhi	
	26/10/2008			Kinh, phật			
377	Chau Kane Ny Ly	Làm thuê	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Kane, 1977	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Neang Sa Vương, 1979	
	04/01/2008			Khmer, phật			
	'089208006637						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
378	Chau Kane Ny Ly	Làm thuê	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Kane	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Neang Sa Vương	
	04/01/2008			Khmer, phật			
379	Chau Sóc Chanh	Làm thuê	ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Sa Vanh	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn			Neang Kim San	
	15/04/2008			Khmer, phật			
380	Chau Quy Ánh Ry	Làm thuê	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Rươl, 1985	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sóc Piênh, 1986	
	01/2/2008			Khmer, Phật			
	'089208020426						
381	Chau Vunh	Làm thuê	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Ry Sai, 1987	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Si Nươn, 1990	
	07/6/2008			Khmer, Phật			
	'089208000035						
382	Nhang Kim Huy	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Kunh,1987	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Trung nông		Nhang Kim Hoa,1982	
	13/1/2008			Khmer, Phật			
	'089208016017						
383	Chau Kim Trung	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sắk,1982	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Trung nông		Neáng Na,1989	
	25/1/2008			Khmer, Phật			
	'089208022815						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
384	Nguyễn Văn Minh	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	2/12	Trần Văn Nhe	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Trung nông		Nguyễn Thị Diễm, 1989	
	26/03/2008			Kinh, Phật			
	'089208001718						
385	Chau Sưa Sóc Phiếp	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sưa, 1986	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Nhan,1989	
	30/12/2008			Khmer, Phật			
	'089208003621						
386	Chau Sóc Săng	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sóc Sy, 1971	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Khên, 1970	
	21/10/2008			Khmer, Phật			
	'089208013737						
387	Châu Sóc Kon	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Châu Bô Pha,1976	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sóc Pha,1973	
	21/6/2008			Khmer, Phật			
	'089208015189						
388	Chau Thạch	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Lành	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sóc Thay	
	31/10/2008			Khmer, Phật			
	'089208011477						
389	Chau Phét Kđây	Làm thuê	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Chau Kin, 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Nho, 1980	
	27/12/2008			Khmer, Phật			
	'089208005682						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
390	Chau Sóc Phía	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sa Rương,1974	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Sơn Thị Nên,1975	
	09/5/2008			Khmer, Phật			
	'089208014917						
391	Chau Sóc Bươne	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Kós Sắc,1981	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sóc Phương,1984	
	03/10/2008			Khmer, Phật			
	'089208019823						
392	Chau Thu	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Chanh Tha, 1975	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Phia, 1978	
	15/04/2008			Khmer, Phật			
	'089208012058						
393	Chau Say La	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Sa Rinh, 1975	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Khen, 1977	
	16/9/2008			Khmer, Phật			
	'089208013795						
394	Chau Siêng Hai		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sơn Ha	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Srós	
	11/04/2008						
395	Chau Son Ron		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Si Pha	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Rân	
	04/02/2008						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
396	Chau Sanh		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Nghét	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Dươne	
	29/07/2008						
397	Chau Chia Hong		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Honl	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Kim Sanh	
	05/11/2008						
398	Chau Pâu		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sóc Chhim	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sóc Khone	
	01/03/2008						
399	Nguyễn Huy Hoàng		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Thảo	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Kim Sann	
	05/06/2008						
400	Chau Ri Sa		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Ri Xưa	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Nèang Sa Rane	
	09/03/2008						
401	Chau Sóc Pane		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Pâu	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sóc Tha	
	13/06/2008						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
402	Chau Chia Hao		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Tưng	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sóc Kha	
	28/10/2008						
403	Chau Sóc Vine		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sanh	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Kim Sane	
	08/01/2008						
404	Lâm Hoàng Duy		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trần Văn Hoàng	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Lâm Chúc Phượng	
	26/01/2008						
405	Lê Hoàng Huy		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Lê Văn Thiện	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Lê Thị Lượm	
	02/02/2008						
406	Chau Si Lên	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Phương,1979	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh Đa,1977	
	26/06/2008			Kinh, Phật			
	'89208020233						
407	Chau Si Khên	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Khương	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Son	
	28/09/2008			Khmer, Phật			
	'89208006434						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
408	Nguyễn Trung Tín	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Văn Thơm, 1978, LT	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lục Diệu Thạch, 1980, NT	
	23/01/2007			Kinh, phật			
	'089207002803						
409	Phan Hữu Phú	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Phan Hữu Thanh, 1984, LT	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Thu	
	10/05/2007			Kinh, phật			
	'089207016415						
410	Chau Canh Nha	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sóc Rên, 1970, Công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Neang Kót Tra, 1968, NT	
	13/11/2007			Khmer, phật			
	'089207007593						
411	Ôn Văn Tấn	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Ôn Văn Tài, 1974, Thợ máy	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Châu Thị Phượng, 1976, nội trợ	
	07/05/2007			Kinh, phật			
	'089207001515						
412	Đặng Thanh Toàn	Làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Đặng Văn Hoàng, 1967, BB	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Giang Thị Thủy, 1969, BB	
	13/10/2007			Kinh, phật			
	'089207010565						
413	Chau Phương	Làm thuê	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Phonh, 1975, L. ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sâm Mươn, 1972, N trợ	
	20/12/2007			Kinh, Đạo phật			
	'089207010234						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
414	Trang Thanh Xuân	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trang Văn Thắng, 1975, LT	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Trần Thị Kim Chi, 1983, NT	
	08/02/2007			Kinh, phật			
	'089207005903						
415	Trần Nguyễn Anh Vũ	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Chiến, 1985, L thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Trần Thị Mỹ Hồng, 1986, CN	
	04/12/2007			Kinh, phật			
416	Nguyễn Hữu Phước	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Hữu Phương, 1982, L.t	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Thị sen, 1983, N. trợ	
	13/4/2007			Kinh, Phật			
	'089207004258						
417	Nguyễn Hoàng	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Thị Cúc, 1949 (bà)	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông			
	23/01/2007			Kinh, Phật			
	'089207002953						
418	Trần Minh Thuận	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Trần Văn Của, 1970, BB	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Tuyết Nga, 1971, BB	
	16/3/2007			Kinh, Phật			
	'089207009919						
419	Chau Kim Kiên	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sóc Kên	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Neáng Sầm Nang	
	2007			Khmer, Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
420	Chau Kim Sanh	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Son	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Neáng Sa Vươn	
	2007			Khmer, Đạo phật			
421	Thạch Thương	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Thạch Thạch, 1979, B Vệ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Neáng Ma Ry, 1980, N trợ	
	26/11/2007			Khmer, Đạo phật			
	'089207019796						
422	Chau Phi Nê	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Sóc Phéak, 1983, L ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Neáng Kim Siêng, 1983, L ruộng	
	22/01/2007			Khmer, Đạo phật			
	'089207013104						
423	Trần Quốc Bảo	Làm thuê	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Dương, 1985, L.thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần T Mỹ Duyên, 1985, NT	
	2007			Kinh, Phật			
424	Chau Riêng	Làm thuê	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Rưm, 1989, L. thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Kanl, 1990, N. trợ	
	2007			Khmer, Phật			
425	Chau Vít Thi	Làm thuê	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trần Văn Thương,1982,L. thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Hăng, 1981, N. trợ	
	02/11/2007			Khmer, Phật			
	'089207004222						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
426	Chau Chêu Chanh Sóc Oanh	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Chanh Na Rít, 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Chau Thị Nương, 1979	
	10/7/2007			Khmer, Phật			
427	Chau Phát	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Phi, 1981, C nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Cà Vơ, 1977 (chết)	
	03/7/2007			Khmer, Phật			
	'089207002249						
428	Hồ Thanh Bình	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Bùi Quang Vinh, 1965, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Hồ Thị Gái, 1975, làm thuê	
	07/4/2007			Kinh, phật			
	'089207018751						
429	Chau Phi Réas	Phụ giúp gia đình	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Sóc Rum, 1977, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Néang Mi, 1979, làm thuê	
	18/7/2007			Khmer, phật			
430	Chau Ươne	Làm ruộng	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Onh, 1978, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Néang Sóc Kha, 1979, nội trợ	
	09/10/2007			Khmer, phật			
	'089207022320						
431	Chau Sóc Ra	Phụ giúp gia đình	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Sóc Som Rone,1987, tài xế	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Néang Sóc Bonh,1988, nội trợ	
	18/4/2007			Khmer, phật			
	'089207004356						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
432	Chau Sóc Na	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sronh	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Néang Kim Sang	
	26/02/2007			Khmer, phật			
433	Chau Sa Ru	Phụ giúp gia đình	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Róth Tha, 1980, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Quách Thị Thủy, 1979, buôn bán	
	05/07/2007			Khmer, phật			
	'089207007102						
434	Chau Siêm	Phụ thuộc	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sêne, 1973, Làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kha, Làm ruộng	
	01/02/2007			Khmer, phật			
	'089207009483						
435	Đào Văn Lợi	Phụ thuộc	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Đào Văn Sang, 1988, ('chết)	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Ly, 1981, buôn bán	
	16/5/2007			Khmer, phật			
	'089207022043						
436	Chau Sóc	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Kung 1971, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Ron 1975, làm ruộng	
	20/01/2007			Khmer, phật			
	'089207007220						
437	Chau Sóc Phol	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Chanh Thi 1980, làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phi, nội trợ	
	22/6/2007			Khmer, phật			
	'089207002480						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
438	Chau Ra Ních	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Úch 1978, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kon 1981, làm ruộng	
	09/12/2007			Khmer, phật			
	'089207007988						
439	Chau Tuân	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sóc Tha, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Son Bách,' làm ruộng	
	01/11/2007			Khmer, phật			
	'089207011373						
440	Nguyễn Thành Nam	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Phương 1982, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Diệu 1989, NT	
	22/12/2007			Kinh, phật			
	'089207012350						
441	Khưu Thành Đạt	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Khưu Văn Thanh 1988, mất sức lao động	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Võ Thị Hồng 1983, CN	
	01/01/2007			Kinh, phật			
	'089207007754						
442	Chau Phan	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Phanh 1985	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Néang Sa Rươnn 1986	
	15/10/2006			Khmer, phật			
	'089206021012						
443	Huỳnh Chấn Bảo	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Hải Dương 1976	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Huỳnh Thị Ngọc Huyền 1986	
	27/12/2006			Kinh, phật			
	'89206001463						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
444	Lê Nhân Từ	Làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Lê Thị Mỹ Duyên 1988	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn				
	01/05/2006			Kinh, phật			
	'89206011756						
445	Trần Hoàng Thực	Làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	2/12	Nguyễn Văn Nghệ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Trần Thị Bích Thủy	
	02/02/2006			Kinh, phật			
	'089206002134						
446	Lê Tấn Bảo	Làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Trương Văn Bé 1990	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Kim Cương 1984	
	5/12/2006			Kinh, phật			
	'098206023411						
447	Châu Thanh Quý	Làm thuê	ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	2/12	Châu Thị Ánh Loan 1986	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn				
	18/4/2006			Khmer, phật			
	'089206018381						
448	Chau Sóc Hong	Làm thuê	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Mau 1972	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Néang Ươnl 1975	
	29/09/2006			Khmer, Đạo phật			
449	Thạch Quốc Huy	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Tây 1977	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Thị Nhạn 1978	
	20/03/2006			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
450	Chau Vít	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	03/12	Chau Vanh1977	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Neáng Liếp 1979	
	01/01/2006			Khmer, Đạo phật			
451	Huỳnh Văn Dũng	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		5/12	Huỳnh Văn Thơm 1964	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Diệp Hồng Ngọc 1966	
	25/05/2006			Kinh, Phật			
452	Trần Huỳnh Anh	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Trần Thanh Hùng 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Huỳnh Thị Duyên 1982	
	02/02/2006			Kinh, Phật			
453	Chau Sóc Thuôn	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	06/12	Chau Thương 1970	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Nương 1971	
	12/04/2006			Khmer, Phật			
454	Chau Sóc Phi	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sóc Vy, 1976, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Néang Sóc Phên, 1074, nội trợ	
	07/8/2006			Khmer, phật			
455	Thạch Sa Ra	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Thạch Rịnh,1966, MSLĐ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Néang Nhên, 1969, làm rẫy	
	25/02/2006			Khmer, phật			
	'089206022379						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
456	Trần Danh Thái	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Trần Tuấn Sơn, 1976, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Thị Huệ, 1975, công nhân	
	26/02/2006			Kinh, phật			
457	Nguyễn Văn Mai	Làm ruộng	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Nguyễn Văn Lượm, (chết)	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Thạch Thị Lệ, 1979, buôn bán	
	01/01/2006			Khmer, phật			
	'089206023382						
458	Chau Thanh Phúc	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Lê Văn Phúc,1983, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Chau Pít Sa Ni, 1982, công nhân	
	26/4/2006			Khmer, phật			
459	Nguyễn Hoàng Huy	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	2/12	Nguyễn Hoàng Phương 1981, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		' Néang Phone Ly 1982, nội trợ	
	30/11/2006			Khmer, phật			
	'089206008163						
460	Nguyễn Thanh Phước	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Thanh Phương 1984, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		' Phạm Thị Hương 1976, làm thuê	
	25/8/2006			Khmer, phật			
	'093206006538						
461	Huỳnh Hoàng Nam	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trần Hoàng Duy 1976,làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Thu Anh 1978, CN	
	04/10/2006			Kinh,phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
462	Chau Hả	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Rô 1985, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		' Néang Sóc Hean 1982, công nhân	
	08/02/2006			Khmer, phật			
	'089206015773						
463	Chau Sóc Thia	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Kiên 1986,làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		' Néang Sóc Kết 1983, công nhân	
	01/01/2006			Khmer, phật			
464	Chau Pheác Kđây	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Sóc Kun 1943, mất sức lao động	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		' Néang Chanh 1964, làm vườn	
	25/5/2006			Khmer, phật			
465	Chau Đen	Làm thuê	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Phi Na, 1977 làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phon, 1970, nội trợ	
	03/02/2006			Khmer, phật			
466	Chau Kim Phước	Làm thuê	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sưng, 1977 công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Lê Kim Phong, 1980, công nhân	
	12/3/2006			Khmer, phật			
467	Nguyễn Hữu Phát	Công nhân	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Khải,1984, LT	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Thúy Liễu,1987, NT	
	31/12/2006			Kinh, phật			
	'089206002996						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
468	Nguyễn Hoàng Giang	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Hoàng Thảo, 1974, Làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Võ Thị Trang, 1971, Làm thuê	
	22/01/2005			Kinh, phật			
	'089205001664						
469	Võ Hoàng Khải	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Võ Thanh Hoàng, 1977, BB	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Thị Kim Hai, 1981, BB	
	13/04/2005			Kinh, phật			
	'089205000938						
470	Bùi Văn Đạt	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Phát, 1983, Làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Bùi Thị Cà Mum Em, 1982, BB	
	13/08/2005			Kinh, phật			
471	Nguyễn Hữu Tâm	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Lền (chết)	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Kim, 1965, Làm thuê	
	08/09/2005			Kinh, phật			
472	Nguyễn Văn Tuyến	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Út, 1984, Làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Châu Bích Tuyền, 1983, Làm thuê	
	22/09/2005			Kinh, phật			
	'089205019941						
473	Lê Hoàng Sang	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Lê Hoàng Cu, 1986, Công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Sĩ, 1983, BB	
	12/07/2005			Kinh, phật			
	'352773671						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
474	Nguyễn Hữu Hậu	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Hồ Thanh Hồng, 1979, Buôn bán	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Bích Hạnh, 1983, Buôn bán	
	29/11/2005			Kinh, phật			
475	Nguyễn Hoàng Thiện	Làm thuê	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Tèo, 1975, Tài xế	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Hà, 1968, Buôn bán	
	03/03/2005			Kinh, phật			
	'352718481						
476	Chau Sóc Nang	Làm thuê	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Danh, 1966, Mài dao	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Néang Soi, 1966, Nội trợ	
	05/05/2005			Khmer, phật			
	'089205015180						
477	Chau Kim Sonl	Làm thuê	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sa Ry, 1978, Thợ hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn			Néang Nhuông, 1969, Nội trợ	
	26/06/2005			Khmer, phật			
	'089205019465						
478	Chau Chuôn	Làm thuê	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Chi 1975	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sóc 1976	
	09/12/2005			Khmer, Đạo phật			
479	Quách Nhựt Trung	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Quách Ngọc Tòng 1972	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Ngô Thị Gái 1973	
	03/06/2005			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
480	Nguyễn Chau Thanh Trí	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Dũng 1983	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Chau Thị Thọ 1984	
	16/11/2005			Kinh, phật			
481	Chau Thai	Làm thuê	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Thiên 1978	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sa Ry 1979	
	11/08/2005			Khmer, Phật			
482	Chau Khiêu	Làm thuê	ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Sóc Kanh 1978	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lợi xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Ni 1980	
	01/01/2005			Khmer, Phật			
483	Chau Chanh Lung	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Châu Lốc , 1982	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Trung nông		Neáng Sóc Phol, 1990	
	01/6/2008			Khmer, Phật			
	'089208006596						
484	Nguyễn Đức Trọng	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Sang 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Ngân 1980	
	11/10/2005			Kinh, Đạo phật			
485	Lâm Quốc Kiệt	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Lâm Trường Tri 1979	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tuyết Hồng 1980	
	09/07/2005			Khmer, Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
486	Chau Rương	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Chanh Thươn 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Nonh 1981	
	20/07/2005			Khmer, Đạo phật			
487	Chau Nết	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Ươm 1977	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Khên 1978	
	05/02/2005			Khmer, Đạo phật			
488	Chau Nam	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Tum 1983	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc 1982	
	13/03/2005			Khmer, Đạo phật			
489	Chau Kung Kưa	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		3/12	Vết Vanh Sua 1975	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Néang Thi 1977	
	23/03/2005			Khmer, Phật			
490	Chau Thi	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		4/12	Chau Ran Thai 1978	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Néang Sá Rôm 1978	
	11/09/2005			Khmer, Phật			
491	Chau Ly Ka	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		5/12	Chau My Chanh 1978	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Néang Nhây 1979	
	15/11/2005			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
492	Chau Thi	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		6/12	Chau Sơn Thai 1974	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Néang Sóc Ny 1976	
	22/06/2005			Khmer, Phật			
493	Nguyễn Tuấn Đạt	Làm thuê	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Văn Bùi 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Võ Thị Trà 1983	
	28/02/2005			Kinh, Phật			
494	Nguyễn Trí Thành	Làm thuê	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Bá Nhiệm 1974	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Thị Bông 1977	
	26/10/2005			Kinh, Phật			
495	Chau Sóc Phia	Làm hồ	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Pho 1977, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa 1986, công nhân	
	27/9/2005			Khmer, phật			
	'089205010850						
496	Nguyễn Hoài An	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	2/12	Nguyễn Hoài Ân 1982, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kiểm 1983, nội trợ	
	07/8/2005			Kinh, phật			
	'089205002791						
497	Chau Giang	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Nang 1966, làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Pha 1983, nội trợ	
	01/11/2005			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
498	Trần Văn La	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Trần Văn Lệ 1974, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Done 1973, làm thuê	
	28/01/2005			Khmer, phật			
	'089205001899						
499	Chau Hiệp	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Hiết 1982, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Phạm Thị Dĩ 1983, nội trợ	
	04/01/2005			Khmer, phật			
	'089205001863						
500	Chau Sô Ry Da	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Diệp 1974, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Diệp 1987, công nhân	
	07/01/2005			Khmer, phật			
501	Lâm Săm Ron	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Lâm Sa Rinh 1983, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Lâm Thị Bích Hạnh 1979, công nhân	
	13/06/2005			Khmer, phật			
502	Chau Vine	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Vương 1980, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Thương 1983, làm thuê	
	06/03/2005			Khmer, phật			
503	Chau Chinh	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Sóc Chưa 1980, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sol 1972, làm thuê	
	27/4/2005			Khmer, phật			
	'089205016736						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
504	Chau Si Náth	Phụ giúp gia đình	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Hôn 1969, thợ hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Khiêm 1969, nội trợ	
	06/12/2005			Khmer, phật			
	'089205016780						
505	Âu Dương Phú	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Âu Dương Bực 1977, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Ngọc Giàu 1978, buôn bán	
	16/05/2005			Khmer, phật			
	'089205008470						
506	Chau Nốs	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Sanh 1972, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		- Néang sóc 1974, làm ruộng	
	23/3/2005			Khmer, phật			
	'089205001831						
507	Lê Văn Trường	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Nguyễn Văn Út, chết	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		- Lê Thị Mỹ Linh 1984, công nhân	
	24/11/2005			Kinh, phật			
508	Đặng Văn Chí Linh	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	0/12	Đặng Văn Bé Hai 1965.làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Võ Thị Thủy 1974, nội trợ	
	05/4/2005			Kinh, phật			
	'089205009367						
509	Huỳnh Thanh Giàu	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Huỳnh Thanh Tuấn, 1979, Thợ hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn				
	25/2/2004			Kinh, phật			
	'352694390						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
510	Chau Si Đenl	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Sa, 1977, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Neáng Mung, 1977, chết	
	10/7/2004			Khmer, phật			
	'352751182						
511	Nguyễn Hoàng Phát	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Thanh Bảo, 1977, BB	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thu, 1979, BB	
	2/10/2004			Kinh, phật			
	'352694370						
512	Nguyễn Thanh Kiệt	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Nguyễn Thanh Lợi, 1982, làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Xuyến, 1981, NT	
	23/8/2004			Kinh, phật			
513	Trương Trí Tân	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trương Thành Trí, 1980, chết	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Trần Thị Thúy 1987	
	22/5/2004			Kinh, phật			
	'352772297						
514	Nguyễn Bảo Ngọc	Làm thuê	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Minh, 1965, Làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Huỳnh, 1965, BB	
	7/6/2004			Kinh, phật			
	'352694348						
515	Chau Sóc Thi	Làm thuê	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Sóc Thia 1981	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sóc Na 1981	
	24/09/2004			Khmer, Đạo phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
516	Trương Đình Duy	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Trương Thế Hiệp 1981	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Trương Thị Thanh Phương 1983	
	07/08/2004			Kinh, Phật			
517	Chau Sêk	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Sang 1976	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh Lắc 1980	
	04/11/2004			Khmer, Đạo phật			
518	Chau Thi	Làm thuê	ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Sóc Mon 1976	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh Tha 1978	
	14/09/2003			Khmer, Đạo phật			
519	Nguyễn Hồ Kiệt	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Điền 1982	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Đáng 1977	
	25/10/2004			Kinh, Đạo phật			
520	Chau Som Hơn	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Rết 1969	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Hên 1964	
	03/07/2004			Khmer, Đạo phật			
521	Chau Khên	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		3/12	Chau Kha 1978	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn			Néang Sóc Mến 1978	
	12/08/2004			Khmer, Phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
522	Phạm Nhựt Tâm	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Phạm Văn Út Lớn 1980	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Mao 1978	
	05/12/2004			Kinh, Phật			
523	Chau Sa	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Si Pha 1980, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Rân 1979, làm thuê	
	01/01/2004			Khmer, phật			
524	Chau Đươne	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Thạch Đèn 1979, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Khiêm 1978, làm thuê	
	07/10/2004			Khmer, phật			
525	Chau Ty	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Hưng 1980, thợ hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phol 1977, thợ hồ	
	10/04/2004			Khmer, phật			
526	Chau A	Tu Sãi	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Em 1980, thợ hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Phone 1980, làm thuê	
	07/02/2004			Khmer, phật			
527	Chau Út Mèo	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Diên 1975, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Dên 1975, làm ruộng	
	10/11/2004			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
528	Chau Vúth Tha	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Kung 1971, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Ron1975, làm ruộng	
	09/12/2004			Khmer, phật			
529	Trần Trung Hiếu	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Trần Hữu Phúc, 1984, thợ điện	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Kiều,1984, buôn bán	
	13/10/2004			Kinh, Cao đài			
530	Nguyễn Thái Tâm	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Nguyễn Thái Bảo 1974, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Lê Thị Đa 1973, làm ruộng	
	27/12/2004			Kinh, phật			
531	Nguyễn Trung Hậu	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Văn Âm 1974, LR	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Mỹ Trinh 1980, LR	
	29/10/2004			Kinh, phật			
532	Huỳnh Quốc Huy	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Trần Văn Khang 1981, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Huỳnh Hoa Tuyết Mai 1983, làm thuê	
	2004			Kinh, phật			
533	Nguyễn Thanh Di	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	0/12	Nguyễn Thị Minh Thủy 1987, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc			
	2004			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
534	Lê Phước Khánh	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Lê Phước Đào 1983, LR	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Hồ Thị Tuyết Mia 1980, làm hồ	
	10/9/2004			Kinh, phật			
535	Chau Vanh Náth	Làm thuê	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sâm Bô 1964, chết	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sà Rưm 1964, làm ruộng	
	07/01/2004			Khmer, phật			
536	Chau Dang	Công nhân	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Dăm 1981, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Sơn 1980, nội trợ	
	20/7/2004			Khmer, phật			
537	Chau Sô Phi	Công nhân	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Phắk 1982, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh thi 1982, chết	
	08/11/2004			Khmer, phật			
538	Nguyễn Văn Di	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	06/12	Nguyễn Hữu Phước 1957	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Thị Lệ Thủy 1960	
	7/8/2003			Kinh, phật			
	'352747382						
539	Nguyễn Văn Phú	Làm thuê	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Tài 1977	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Nhanh 1977	
	5/9/2003			Kinh, phật			
	'352694324						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
540	Lương Văn Hiển	Làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Lương Văn Thảo 1970	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thanh Trang 1967	
	30/12/2003			Kinh, phật			
	'352641495						
541	Chau Bô Rây	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Chau Dưm 1962	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa Rin 1966	
	03/07/2003			Khmer, Đạo phật			
542	Chau Đâm	Làm thuê	ấp Tà On, xã Tri Tôn		6/12	Chau Vong 1977	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn			Néang Thi 1979	
	01/01/2003			Khmer, Phật			
543	Chau Kane Done	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Ly 1963, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Khương 1981, làm thuê	
	25/02/2003			Khmer, phật			
544	Chau Vine	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn văn Nương 1986, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa Von 1984, làm thuê	
	29/9/2003			Khmer, phật			
545	Chau Nane		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Chau Néac 1968, công nhân	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Nhăk 1974, công nhân	
	16/01/2003			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
546	Chau Vanh Đa	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Mon 1980, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Si Mon 1980, buôn bán	
	03/12/2003			Khmer, phật			
547	Chau Vanh Nắk	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Vanh Na 1969, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Rone 1968, làm thuê	
	14/6/2003			Khmer, phật			
548	Chau Minh	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Be 1966, chết	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Nên 1981, buôn bán	
	06/9/2003			Khmer, phật			
549	Chau Sóc Sênl	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Néang Sóc Khan 1986, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc			
	01/01/2003			Khmer, phật			
550	Chau Quanh Nắc	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Séth 1972, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Duônh 1970, làm ruộng	
	16/10/2003			Khmer, phật			
551	Chau Sóc Phol	Lam thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Chhon 1981, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Phonk 1984, công nhân	
	20/02/2003			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
552	Chau Hanh	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Rô 1986, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		- Néang Sóc Hean 1982, làm thuê	
	07/12/2003			Khmer, phật			
553	Nguyễn Văn Sơn	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	0/12	Nguyễn Văn Khai 1984, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Lê Thị Vân 1981, làm thuê	
	25/02/2003			Kinh, phật			
554	Bùi Châu Thanh	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Bùi Văn Bử 1977, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Đỗ Thị Phượng 1978, nội trợ	
	17/03/2003			Kinh, phật			
555	Phan Duy Khánh	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Phan Văn Kiệu 1947, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Khá 1963, nội trợ	
	06/7/2003			Kinh, Hòa hảo			
556	Huỳnh Lâm Vũ	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Huỳnh Văn Ngoan 1982, Thợ hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn T Kiều Oanh 1982, LT	
	13/02/2003			Kinh, phật			
557	Lê Trung Thuận	Làm thuê	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Lê Văn Sáu 1975, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		'Trần Thị Mỹ Phương 1978, NT	
	19/02/2003			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
558	Cái Thế An Khang	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trương Hoàng Dũng 1976	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Cái Huỳnh Anh Đào 1976	
	11/5/2003			Kinh, phật			
	'352747381						
559	Trương Hoài Phương	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Trương Hoàng Dũng, 1976, LT	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Cái Huỳnh Anh Đào, 1976, NT	
	19/10/2002			Kinh, phật			
560	Nguyễn Trung Chánh	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Nguyễn Văn Dũng, 1970, làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Nhàng, 1978, NT	
	31/8/2002			Kinh, phật			
	'352586634						
561	Lý Triệu Vĩ	làm thuê	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Lý Ngọc Bình, 1978, làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Mỹ Trang, 1978, N trợ	
	21/5/2002			Kinh, phật			
	'352641455						
562	Ngô Văn Luân	Làm thuê	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Ngô Văn Hiếu, 1970, làm hồ	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trương Thị Hà, 1968, BB	
	11/4/2002			Kinh, phật			
	'352586525						
563	Trần Hùng Hậu	Làm thuê	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Trần Hùng Nhỏ, 1977, LT	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Thuỳ Oanh, 1982, N trợ	
	12/12/2002			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
564	Huỳnh Văn Phi	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Huỳnh Văn Dàng 1974	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn			Phạm Thị Hắp 1972	
	10/07/2002			Kinh, phật			
565	Trần Thái Hòa	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Trần Văn Của 1970	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Tuyết Nga 1971	
	02/07/2002			Kinh, Phật			
566	Nguyễn Văn Nô	Làm thuê	Ấp Bằng Rò, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Nguyễn Văn Lực 1960	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Tâm 1962	
	13/10/2002			Kinh, Đạo phật			
567	Chau Si Linh	Làm thuê	ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn		2/12	Chau Sóc Ben 1972	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn				
	02/09/2002			Khmer, Phật			
568	Châu Huỳnh Thành Tấn	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	- Châu Na Rôm 1977, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc			
	04/9/2002			Khmer, phật			
569	Chau Kunh Ny	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Sóc Khinh 1977, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Phine 1978, làm ruộng	
	15/3/2002			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
570	Chau Phương	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Phônh 1976, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Sơn 1975, làm ruộng	
	12/11/2002			Khmer, phật			
571	Chau Phy	Làm thuê	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	7/12	Chau Phônh 1976, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Kim Sơn 1975, làm ruộng	
	12/11/2002			Khmer, phật			
572	Lê Văn Hiền	Công nhân	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Đỗ Thiện 1978, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Lê Thị Ngọc Lượm 1984, công nhân	
	13/11/2002			Kinh, phật			
573	Chau Sóc Tha	Phụ hồ	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	3/12	Chau Ên 1975, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Bô 1976, làm ruộng	
	26/12/2002			Khmer, phật			
574	Chau Nanh Ni	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	6/12	Chau Pho Ly 1977, làm ruộng	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		- Néang Phone 1976, làm ruộng	
	30/03/2002			Khmer, phật			
575	Lê Văn Phúc	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	0/12	Chau Díth 1981, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		- Phạm Thị Kim Loan 1977, làm thuê	
	03/5/2002			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
576	Chau Thanh Thế	Làm thuê	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	4/12	Chau Kim Hanh 1976, chết	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Néang Sốt Rết 1979, công nhân	
	02/03/2002			Khmer, phật			
577	Nguyễn Văn Khánh	Làm thuê	ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	1/12	Nguyễn Văn Son 1968, làm thuê	Trình độ văn hóa thấp
	Không			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Cẩm Hòa 1970, làm thuê	
	23/05/2002			Kinh, phật			
578	Nguyễn Văn Tín	Làm thuê	ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	5/12	Phạm Văn Đức 1985	Trình độ văn hóa thấp
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Ngọc Hoa 1988	
	14/07/2001			Kinh, Phật			
579	Lâm Trung Khang	Phụ thuộc	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Lâm Văn Sang	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Ngô Thị Diễm Thúy	
	04/03/2008						
580	Lý Trần Phú		ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Lý Quốc Khánh, 1985, BB	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Trần Thị Thảo Trang, 1985, BB	
	01/01/2007						
	092207004457						
581	Lê Quốc Huy	Phụ thuộc	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Lê Minh, 1982, LT	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị An, 1984, BB	
	27/09/2007						
	089207018382						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân** □	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
582	Chau Chéth Tra	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	- Trung nông	9/12	Chau Si Sa Ma làm ruộng	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không			- Phụ thuộc		Néang Sóc Chéa làm ruộng	
	08/10/2007			-Khmer, phật			
	089207022595						
583	Chau Si Náth	Làm thuê	ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Si Na 1975	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Néang Chanh Thi 1985	
	04/04/2006						
	089206001958						
584	Nguyễn Tấn Đạt		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Nguyễn Văn Tuấn 1985	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Dương Thị Tuyết Mai 1986	
	27/09/2006						
	089206017983						
585	Chau Phi Rôm	Làm thuê	ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Sóc Ra 1977, làm ruộng	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không			Phụ thuộc		Néang Rune 1974, buôn bán	
	22/12/2006			Khmer, phật			
	089206002992						
586	Trần Phúc Mãi	Sinh viên	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Thành Sang, 1977, LT	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Ngọc Giàu, 1980, NT	
	21/04/2005						
	089205001417						
587	Trần Phước Đạt		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Kinh	TN12	Trần Văn Kiều 1979	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phật		Nguyễn Thị Nhu 1982	
	03/05/2005						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
588	Huỳnh Thanh Nhàn		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Kinh	8/12	Huỳnh Văn Bự 1982	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Phật		Huỳnh Thị Tím 1982	
	28/07/2005						
589	Ngô Phước Hào		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Ngô Phước Hùng, 1983, Làm hồ	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Lê Hoàng Thanh Hang,1986, Buôn bán	
	28/09/2005						
	352760504						
590	Chau Phi Na		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Chau Hoàng Năng, 1967, làm thuê	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Néang Kun, 1967, Nội trợ	
	24/03/2004						
	352694391						
591	Nguyễn Hữu Khánh		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Nguyễn Văn Phước 1969	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Thị Ngọc Thủy 1976	
	28/06/2004			Kinh, Phật			
592	Chau Thảo		ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Thai 1977	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Thang 1982	
	20/07/2004			Khmer			
				Đạo phật			
593	Trần Quốc Tính	Lầm thuê	ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Trần Văn Hòa, 1963, BB	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn	Kinh, phật		La Thị Thâu, 1963, BB	
	24/08/2004						
	352694419						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
594	Trần Vĩnh Lâm	Làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Thanh Tùng 1981	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Loan 1983	
	09/06/2003						
	352641499						
595	Chau Chua	Phụ thuộc	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Chanh, 1974, LT	Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Danh Thị Si Dương, 1970, NT	
	06/08/2002						
596	Võ Văn Tuấn	Phụ thuộc	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Võ Văn Đấu	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Phạm Thị Lùng	
	02/06/2008			Kinh, Phật			
	'89208020972						
597	Nguyễn Văn Dinh	Phụ thuộc	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	0/12	Nguyễn Văn Lợi	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Luyến	
	10/07/2008			Kinh, Phật			
	'89208018988						
598	Chau Kanh	Phụ thuộc	ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Kêne, 1983	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Dươn, 1986	
	20/11/2008			Khmer, Phật			
	'089208016340						
599	Nguyễn Văn Hòa	Phụ thuộc	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Nguyễn Văn Bình, 1979, Công nhân	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Nguyễn Thị Đẹp, 1982, nội trợ	
	26/09/2007			Kinh, phật			
	'089207016790						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
600	Ngô Tuấn Đạt	Phụ thuộc	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Ngô Văn Tuấn 1984	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Trần Thị Ngọc Diễm 1984	
	23/05/2006			Kinh, phật			
	'089206017215						
601	Trần Thanh Quân	Phụ thuộc	ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Văn Bích, 1979, Làm thuê	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn			Lê Bích Thủy, 1984, Làm thuê	
	16/08/2005			Kinh, phật			
	'089205011180						
602	Trần Trung Tín	Phụ thuộc	ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Trần Thanh Phương, 1976, Sửa xe	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Thanh Giang, 1978, NT	
	14/08/2005			Kinh, phật			
	'089205000780						
603	Chau Kunh	Phụ thuộc	ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Ku 1970	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Hane 1979	
	02/07/2004			Khmer, Phật			
604	Đặng Hoàng Phúc	Phụ thuộc	ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Đặng Hoàng Phương,1964, chết	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn			Trần Kim Điệp, 1970, Nội trợ	
	22/09/2004			Kinh, phật			
	'352694383						
605	Chung Vĩnh Hưng	Phụ thuộc	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chung Hiến Thành 1975	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
			ấp 2, xã Tri Tôn			Trần Thị Ngọc Diệp 1981	
	03/10/2003			Kinh, phật			
	'352700695						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
606	Ôn Nhật Quang	Phụ thuộc	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Ôn Ngọc Vinh 1974, tài xế	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		- Sin Sóc Than Ni 1976, nội trợ	
	11/07/2003			Kinh, phật			
607	Lư Quốc Bảo	Phụ thuộc	ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lư Quốc Vũ, 1977, làm thuê	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Phạm Thị Kim Phụng 1979, nội trợ	
	10/11/2003			Kinh, phật			
608	Nguyễn Hà Quang Diệu	Phụ thuộc	ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Hoạt, 1962, thợ điện	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn			Hà Thị Anh Đào, 1968, N trợ	
	15/02/2002			Kinh, phật			
609	Nguyễn Hồng Tý	Phụ thuộc	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Nguyễn Hồng Phúc, 1972, thợ mộc	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Thị Sáng, 1979, B Bán	
	16/10/2002			Kinh, phật			
	'352668558						
610	Đỗ Văn Hóa	Phụ thuộc	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đỗ Văn Phong 1980, dịch vụ nhà trọ	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Mỹ Hiền 1980	
	27/09/2002			Kinh, phật			
611	Chau Sốc Ly	Phụ thuộc	ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Lim 1963, làm ruộng	Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015
	Không			Phụ thuộc		Néang Konh 1961, LR	
	09/10/2002			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
612	Chau Phu Víth		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Kêl, 1984	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Neáng Sone, 1984	
	15/01/2008			Khmer, Phật			
	089208010323						
613	Võ Hoàng Việt Triết		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Võ Thanh Tùng	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Huỳnh Diễm Trinh	
	16/02/2008						
614	Đặng Hoàng Thanh Hiếu		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Đặng Hoàng Thanh Trí,1986	Lao động xuất khẩu nước ngoài
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Thu Yến,1986	
	08/05/2008			Kinh, Phật			
	089208017198						
615	Chau Duy Em		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chanh Cham,1984	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Sóc Mươn,1987	
	29/05/2008			Khmer, Phật			
	089208017602						
616	Chau Róth Tha		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Chau Chênh, 1983	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Lợi, xã Tri Tôn	Trung nông		Neáng Kim Dây, 1987	
	06/06/2008			Khmer, Phật			
	089208009490						
617	Chau Chanh Đa		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Kol Ly Na,1985	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sane,1989	
	15/10/2008			Khmer, Phật			
	089208009814						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
618	Trần Minh Nhựt		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	8/12	Trần Minh Tú,1986	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Hương,1978	
	15/04/2008			- Kinh, Phật			
	089208021816						
619	Hồ Thanh Minh		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	8/12	Bùi Quang Vinh	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Phụ thuộc		Hồ Thị Gái	
	23/10/2008			- Kinh, Phật			
	089208015311						
620	Hà Minh Ty		ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Hà Văn Minh	Vắng mặt địa phương
	Không			- Phụ thuộc		Cao Thị Kiều Phú	
	20/08/2008			- Kinh, Phật			
	089208014777						
621	Đinh Huỳnh Đức Trọng		ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	- Trung nông	12/12	Đinh Đức Sang	Vắng mặt địa phương
	Không			- Phụ thuộc		Huỳnh Thị Thuyết Nguyên	
	09/09/2008			- Kinh, Phật			
	089208022132						
622	Huỳnh Hữu Đức		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Huỳnh Văn Châu, 1982, CN	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Nguyễn Thị Bửu, 1981, CN	
	17/01/2007			Kinh, Phật			
623	Lê Thanh Phúc		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	11/12	Trần Quốc Hùng, 1980, làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không			- Phụ thuộc		'Lê Ngọc Lẹ, 1981, làm thuê	
	08/02/2007			-Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
624	Lê Thanh Hoàng		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	11/12	Trần Quốc Hùng, 1980, làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không			- Phụ thuộc		'Lê Ngọc Lẹ, 1981, làm thuê	
	08/02/2007			-Kinh, phật			
625	Chau Vi Ra		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Si Sa, 1971, làm ruộng	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Neang Sô Sa Vươn, 1980, làm ruộng	
	09/03/2007						
	089207000825						
626	Đinh Nhật Phi		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Đinh Văn Quát, 1971, BB	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Thạch Thị Lê Nguyệt, 1980, BB	
	06/04/2007						
	09207007294						
627	Dương Hoàng Khang		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	- Trung nông	8/12	Dương Hoàng Trận,1980, tài xế	Vắng mặt địa phương
	Không			- Phụ thuộc		'Dương Thị Kim Phụng, nội trợ	
	08/04/2007			-Kinh, phật			
	089207016519						
628	Võ Quốc Đạt		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Võ Văn Dũng, 1973, BB	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Trịnh Thị Ngọc Thảo, 1978, BB	
	31/07/2007						
	089207003365						
629	Nguyễn Bình An		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Nguyễn Thành Nam, 1973, Công nhân	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Châu Thị tuyết Nhung, 1972, buôn bán	
	12/09/2007						
	089207004380						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
630	Sóc Kim Phụng		ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Sóc Kim Sang, 1982, Thợ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Nguyễn Thị Hà, 1975, CN	
	23/10/2007						
	089207002867						
631	Chau Pách		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Si Múth, 1979, LT	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Neáng Sa Réth, 1973, LT	
	27/10/2007						
	089207009952						
632	Nguyễn Chí Đạt		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Chí Tâm 1979	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Phan Hồng Diễm 1984	
	25/01/2006						
	089206009501						
633	Hà Gia Bảo		ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Hà Thanh Tùng 1980	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Trang 1973	
	11/02/2006						
	089206022501						
634	Nguyễn Thanh Vân		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Văn Thắng,1963, làm ruộng	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		'Nguyễn Thị Kim Tuyền,1980, buôn bá	
	23/02/2006			Kinh, phật			
	089206016513						
635	Nguyễn Chí Khanh		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Chi Hải 1986	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Mỹ Nương 1992	
	15/06/2006						
	89206023413						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
636	Huỳnh Quang Khánh		ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Huỳnh Anh Vũ 1981	Vắng mặt địa phương
			ấp 2, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Lê thị Tú Quyên 1987	
	01/07/2006						
637	Trần Minh Đăng		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Trần Văn Y 1976	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Trang Ngọc Lan 1979	
	12/08/2006						
638	Trần Quốc Bảo		ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Trần Văn Bình	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn			Trần Thị Lê Hoa 1969	
	05/09/2006			Kinh, phật			
	89206006934						
639	Lê Tấn Đạt		ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lê Thanh Quốc 1982	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Trần Thị Bé Hai 1981	
	26/08/2006						
	089206022750						
640	Chau Vanh Chhai		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Chau Sóc Dane 1983,làm ruộng	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		' Néang Sây La 1982, làm ruộng	
	17/12/2006			Khmer, phật			
	089206010379						
641	Đỗ Tấn Tài		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Đỗ Văn Hiện, 1965, Ngư dân	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Út Thị, 1971, Kinh doanh	
	02/01/2005						
	096205001685						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
642	Nguyễn Minh Hiếu		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Văn Ngân, 1982, Công nhân	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Đinh Thị Hồng Tươi, 1981, BB	
	25/05/2005						
	352760445						
643	Võ Hữu Luân		ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Võ Văn Cường, 1980, Làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Trần Thị Thương, 1978, NT	
	12/06/2005						
	352775046						
644	Phan Minh Huy		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Phan Minh Quốc 1983	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Lộc, xã Tri Tôn	Trung nông		Trần Song Trà My 1983	
	12/06/2005			Kinh, Phật			
645	Lê Văn Phương		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Lê Văn Tấn, 1979, Thợ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Néang Khên, 1972, Công nhân	
	14/06/2005						
	089205001803						
646	Chau Thái Khang		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Chau Sóc Sann, 1960, Nội trợ	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Phượng Oanh, 1967, Giáo	
	18/07/2005						
	089205019177						
647	Chau Sóc Thu		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Ên 1975, thợ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Sóc Bô 1976, làm thuê	
	01/08/2005			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
648	Hồ Tiến Đạt		ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Hồ Hoàng Duy, 1983, BB	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Kim Thoa, 1990, Buôn bán	
	07/12/2005						
	089205007507						
649	Chau Sen		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông	09-12 00:	Chau Đươn 1979	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Rò Leng, xã Tri Tôn	Trung nông		Néang Sóc Ran 1980	
	10/12/2005			Khmer, Phật			
650	Chau Sóc Sanh		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Vanh Tha 1984, thợ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		- Néang Sóc Khone 1986, thợ hồ	
	19/12/2005			Khmer, phật			
651	Chau Pa Ris		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	- Cha:Chau Sóc Han 1968, làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Phát 1969, nội trợ	
	20/01/2004			Khmer, phật			
652	Phan Duy Luật		ấp 4, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Phan Ngọc Tâm, 1969, BB	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 4, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Võ Thị Thúy Duy, 1983, Làm neo	
	21/01/2004						
	352641469						
653	Chau Sane		ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Trần Thanh Tuấn, 1975, thợ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Néang Dương, 1979, BB	
	28/01/2004						
	352760417						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
654	Tống Văn Pháp		ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn	Trung nông	8/12	Tống Văn Cường, 1984, thợ điện	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Thơ,1982, LR	
	04/02/2004			Kinh, phật			
655	Chau Phi Na		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Bớt 1976, làm ruộng	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		- Néang Nônh 1977, làm ruộng	
	22/02/2004			Khmer, phật			
656	Quách Kỳ Bảo		ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Quách Trung Trực, 1970, BB	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Phạm Thị Kim Phượng, 1971, NT	
	03/03/2004						
	352641949						
657	Nguyễn Hữu Lợi		ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thanh Luận, 1979, Làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Bùi Thị Trắng, 1977, làm thuê	
	13/04/2004						
	352760366						
658	Chau Sóc Chanh		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Thanh 1984, làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Đẹp 1978, chết	
	18/04/2004			Khmer, phật			
659	Võ Bình Cương		ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Võ Xuân Bình, 1976 làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Néang Sóc Phol, 1977, Giáo viên	
	26/04/2004						
	352739754						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
660	Chau Vít		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Nguyễn Văn Nươne 1986, phụ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa Von 1984, nội trợ	
	04/05/2004			Khmer, phật			
661	Lê Văn Chí Thanh		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Lê Văn Kha, 1980, làm hồ	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Thúy, 1979, BB	
	23/05/2004						
	352694418						
662	Chau Chone		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Chene 1980, phụ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Phone 1983, nội trợ	
	16/08/2004			Khmer, phật			
663	Chau Sol		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sốth 1979, phụ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Sa My 1981, phụ hồ	
	20/08/2004			Khmer, phật			
664	Lưu Phước Sang		ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Lưu Quang Trinh, 1959,Chết	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Võ Minh Nguyệt, 1964, Nội trợ	
	30/09/2004						
	352694434						
665	Phạm Phước Hậu		ấp 2, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Phạm Hữu Phước, 1975, BB	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 2, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Thị Triều, 1977, BB	
	07/11/2004						
	Chưa làm						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
666	Chau Út		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Khmer	8/12	Chau Nghét 1979	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Phật		Néang Loan 1975	
	2003						
667	Chau Long		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Khmer	9/12	Chau Nghét 1979	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Phnôm Pi, xã Tri Tôn	Phật		Néang Loan 1975	
	2003						
668	Chau Phi Rith		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Rum 1976	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phật		Néang Sóc Kha 1978	
	01/01/2003						
669	Nguyễn Minh Triết		ấp 6, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Ngọc Minh 1966	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 6, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Cẩm Thúy 1968	
	20/03/2003						
	352681334						
670	Trầm Minh Nhật		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trầm Minh Cường 1969, giáo viên	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		- Quách Nhật Thi 1969, giáo viên	
	12/08/2003			Kinh, phật			
671	Chau Đís Phô		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Ron 1977, làm ruộng	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		- Néang Sóc Khim 1975, làm ruộng	
	13/10/2003			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	**Nơi làm việc**	**Nơi ở hiện nay của bản thân**	**Thành phần bản thân □**	**Ngoại ngữ**	**Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp**	
	Ngày, tháng, năm sinh	**Nhóm, ngạch, bậc lương**	**Nơi làm việc**	**Dân tộc, tôn giáo**	**Đảng, đoàn**	**Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp**	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
672	Chau Vanh An		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Chua Em 1985, công nhân	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Ma Ly 1986, công nhân	
	16/11/2003			Khmer, phật			
673	Trầm Quốc Khang		ấp Tô Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trầm Chí Cường 1973, giáo viên	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		- Trần Ngọc Mai 1974, thợ may	
	24/11/2003			Kinh, phật			
674	Lâm Gia Huy		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Lâm Văn Đền 1978, làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Lý Thị Thanh Loan 1974, làm thuê	
	29/11/2003			Kinh, phật			
675	Dương Đại Lợi		ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Dương Văn Thái 1967	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn	Kinh, phật			
	27/12/2003						
	Chưa làm CMND						
676	Chau Phol		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Pho 1977, làm thuê	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		- Néang Sa 1986, làm thuê	
	11/05/2002			Khmer, phật			
677	Nguyễn Ngọc Quốc Anh		ấp Tô Trung, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Nguyễn Trúc Duy 1979, buôn bán	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Trần Thị Kiều Trinh 1975, buôn bán	
	03/07/2002			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
678	Chau Ra Quin		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Khmer	TN12	Chau Vuốth Thi 1978	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp Tà On, xã Tri Tôn	Phật		Néang Kim Sơn 1980	
	29/07/2002						
679	Chau Công		ấp 1, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Huỳnh Hữu Nhơn, 1985, tài xế	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 1, xã Tri Tôn	Khmer, phật		Néang Sách, 1985, N trợ	
	12/08/2002						
	352717386						
680	Chau Sóc Phu		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Chanh 1968	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang Sâm Bô 1964	
	28/08/2002			Khmer			
				Đạo phật			
681	Trần Công Thắng		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Trần Thị hạnh Phúc 1981, buôn bán	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc			
	09/09/2002			Kinh, phật			
682	Trần Đức Trọng		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Trần Phú Quí 1980, Tu sĩ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Đỗ Thị Kim oanh 1981, công nhân	
	25/09/2002			Kinh, Thiên Chúa			
683	Chau Sô Benh		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	10/12	Chau Sóc Phane 1979	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		'Néang Hương 1975	
	07/11/2002			Khmer, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
684	Chau Sây Ha		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Nal 1978	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp An Hòa, xã Tri Tôn	Phụ thuộc		Néang So Kha 1978	
	23/11/2002			Khmer			
				Đạo phật			
685	Trinh Minh Khoa		ấp 3, xã Tri Tôn	Trung nông	11/12	Trịnh Văn Phụng, 1976, CN	Vắng mặt địa phương
	Không		ấp 3, xã Tri Tôn	Kinh, phật		Nguyễn Ánh Tuyết, 1974, B Bán	
	03/12/2002						
	352713859						
686	Sơn Sô Phi		ấp Tô Hạ, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sơn 1978, phụ hồ	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Vanh Ny 1976, nội trợ	
	30/12/2002			Khmer, phật			
687	Chau Bunh Thươn		ấp An Thuận, xã Tri Tôn	Trung nông	TN12	Chau Sóc Chen 1978	Vắng mặt địa phương
	Không			Phụ thuộc		Néang Chanh Đa 1980	
	02/11/2001			Khmer			
				Đạo phật			
688	Chau Rót Thi Na	làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Chau Sóc Phonl	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Thị Bình	
	11/7/2008			Khmer, Phật			
689	Huỳnh Tấn Đạt	làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	9/12	Huỳnh Như	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Lê Thị Hạnh	
	10/10/2008			Kinh, phật			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình và bản thân	Thành phần gia đình	Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	Thành phần bản thân □	Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc	Dân tộc, tôn giáo	Đảng, đoàn	Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
690	Nguyễn Hữu Trọng	làm thuê	ấp 5, xã Tri Tôn	Trung nông	12/12	Nguyễn Thanh Sang, 1985, CN	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
	Không		ấp 5, xã Tri Tôn			Châu Thúy Linh, 1986, CN	
	27/10/2005			Kinh, phật			
	035275236722						